

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mai Thị Thu Hương

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đào Minh Hằng

HẢI PHÒNG – 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Mai Thị Thu Hương
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đào Minh Hằng

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Mai Thị Thu Hương

Mã SV: 120620

Lớp: QT 1205K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Phản ánh thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
- Đánh giá được ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng, trên cơ sở đó đưa ra những giải pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu về thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng năm 2011.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
- Đại chỉ: Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng – Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Đào Minh Hằng

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

- Định hướng cách nghiên cứu và giải quyết một đề tài tốt nghiệp.
- Định hướng cách hệ thống hóa những vấn đề cơ bản về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Định hướng cách mô tả và phân tích thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
- Định hướng cách đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện đề tài nghiên cứu

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	10
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	12
1.1. Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	12
1.1.1. Doanh thu.....	12
1.1.1.1. Khái niệm.....	12
1.1.1.2. Các loại doanh thu	12
1.1.2. Chi phí.....	14
1.1.2.1. Khái niệm.....	14
1.1.2.2. Các loại chi phí.....	15
1.1.3. Kết quả kinh doanh.....	16
1.1.3.1. Khái niệm.....	16
1.1.3.2. Phân loại kết quả kinh doanh	16
1.2. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh	17
1.2.1. Kế toán doanh thu.....	17
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	17
1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	20
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	22
1.2.2. Kế toán chi phí.....	23
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	23
1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	26
1.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	29
1.2.2.4. Kế toán chi phí khác	30
1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	32
1.3. Các hình thức, sổ kế toán và quy trình ghi sổ sử dụng trong kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp ...	36
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG.....	40

2.1. Một số nét khái quát về Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển.....	40
2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của công ty	41
2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý	41
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán	42
2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán	42
2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán tại công ty.....	44
2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty	44
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	46
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	46
2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	46
2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	55
2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác	60
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	61
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	61
2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng	70
2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	75
2.2.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	80
2.2.2.5. Kế toán chi phí khác	86
2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....	87
2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	88
2.3. Những nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....	95
2.3.1. Ưu điểm.....	95
2.3.2. Tồn tại	97
CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG	99
3.1. Định hướng phát triển của công ty.....	99

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty	100
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện	100
3.2.2. Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện.....	101
3.2.3. Nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện	102
3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	102
3.2.4.1. Về sử dụng phần mềm kế toán	102
3.2.4.2. Về sổ sách kế toán	107
3.2.4.3. Về hạch toán các khoản trích theo lương cho người lao động	109
3.2.4.4. Về việc hạch toán giá vốn	111
KẾT LUẬN	117
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trong các doanh nghiệp được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng có liên quan với doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu thực hiện được và tối đa hóa lợi nhuận thu được. Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, vấn đề cấp bách đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia. Một trong những biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng nói riêng, em đã lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng”**.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài được thực hiện tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2011.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp của chủ nghĩa duy vật biện chứng, từ lý luận đến thực tiễn và dùng thực tiễn để kiểm tra lý luận. Các phương pháp cụ thể là: phân tích, so sánh, diễn giải, quan sát...

5. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận được trình bày trong ba chương:

- Chương I: Lý luận chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chương II: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
- Chương III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Những lý luận cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.1. Doanh thu

1.1.1.1. Khái niệm

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14).

1.1.1.2. Các loại doanh thu

*** Doanh thu bán hàng:**

Doanh thu bán hàng là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất ra hoặc do doanh nghiệp mua về.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng BTC, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoãn mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*** Doanh thu cung cấp dịch vụ:**

Doanh thu cung cấp dịch vụ là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong 1 hoặc nhiều kỳ kế toán

Doanh thu của việc giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định 1 cách tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau :

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

*** Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

*** Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ:** Là tổng các khoản thu nhập mang lại từ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (TK 511), doanh thu nội bộ (512) sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Thuế TTĐB, thuế XK, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán và thuế GTGT đầu ra phải nộp đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

* **Thu nhập khác:** Là khoản doanh thu doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên. Gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán thanh lý Tài sản cố định.
- + Chênh lệch lãi do đánh giá vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- + Thu các khoản nợ phải trả không các định được chủ.
- + Thu nhập quà biếu tặng...
- + Các khoản thu khác.

1.1.2. Chi phí

1.1.2.1. Khái niệm

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.1.2.2. Các loại chi phí

- **Giá vốn hàng bán:**

Là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- **Chi phí bán hàng**

Là toàn bộ chi phí liên quan đến việc tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm: Chi phí bảo quản đóng gói, vận chuyển, chi phí chào hàng, giới thiệu, quảng cáo, chi phí hoa hồng đại lý, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí nhân viên bán hàng, chi phí công cụ dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ phục vụ bán hàng. Các chi phí bằng tiền khác.

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Là chi phí có liên quan đến toàn bộ hoạt động quản lý điều hành chung của doanh nghiệp bao gồm: các chi phí nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ phục vụ quản lý doanh nghiệp..., các khoản thuế phí, lệ phí, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác...

- **Chi phí hoạt động tài chính**

Là toàn bộ các chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các vấn đề về vốn, hoạt động đầu tư tài chính, các nghiệp vụ mang tính chất tài chính của doanh nghiệp. Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay vốn kinh doanh các khoản dài hạn và

ngắn hạn, chi phí hoạt động liên doanh, chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn, chi phí về mua bán ngoại tệ, chi phí về cho thuê tài sản, thuê cơ sở hạ tầng, chi phí đầu tư tài chính khác...

- **Chi phí khác**

Là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ năm trước. Nội dung của các khoản chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

$$\text{Thuế TNDN} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

1.1.3. Kết quả kinh doanh

1.1.3.1. Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

1.1.3.2. Phân loại kết quả kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

* **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu

tu, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

* **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

* **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.2.1. Kế toán doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* ***Chứng từ sử dụng:***

- Hoá đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Hoá đơn bán hàng (Mẫu số 02GTTT-3LL) đối với doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp.

- Hợp đồng mua bán;

- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;

- Thẻ quầy hàng;

- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;

- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho...

* ***Tài khoản sử dụng***

- ***Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 có 6 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

*** Kết cấu và nội dung phản ánh TK 511**

Bên Nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ
- Chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911.

Bên Có:

- Doanh thu bán sản phẩm hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

- Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 có 3 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá;
- + Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm;
- + Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

*** *Kết cấu nội dung phản ánh TK 512***

Bên Nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm hàng hóa dịch vụ tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

Bên Có:

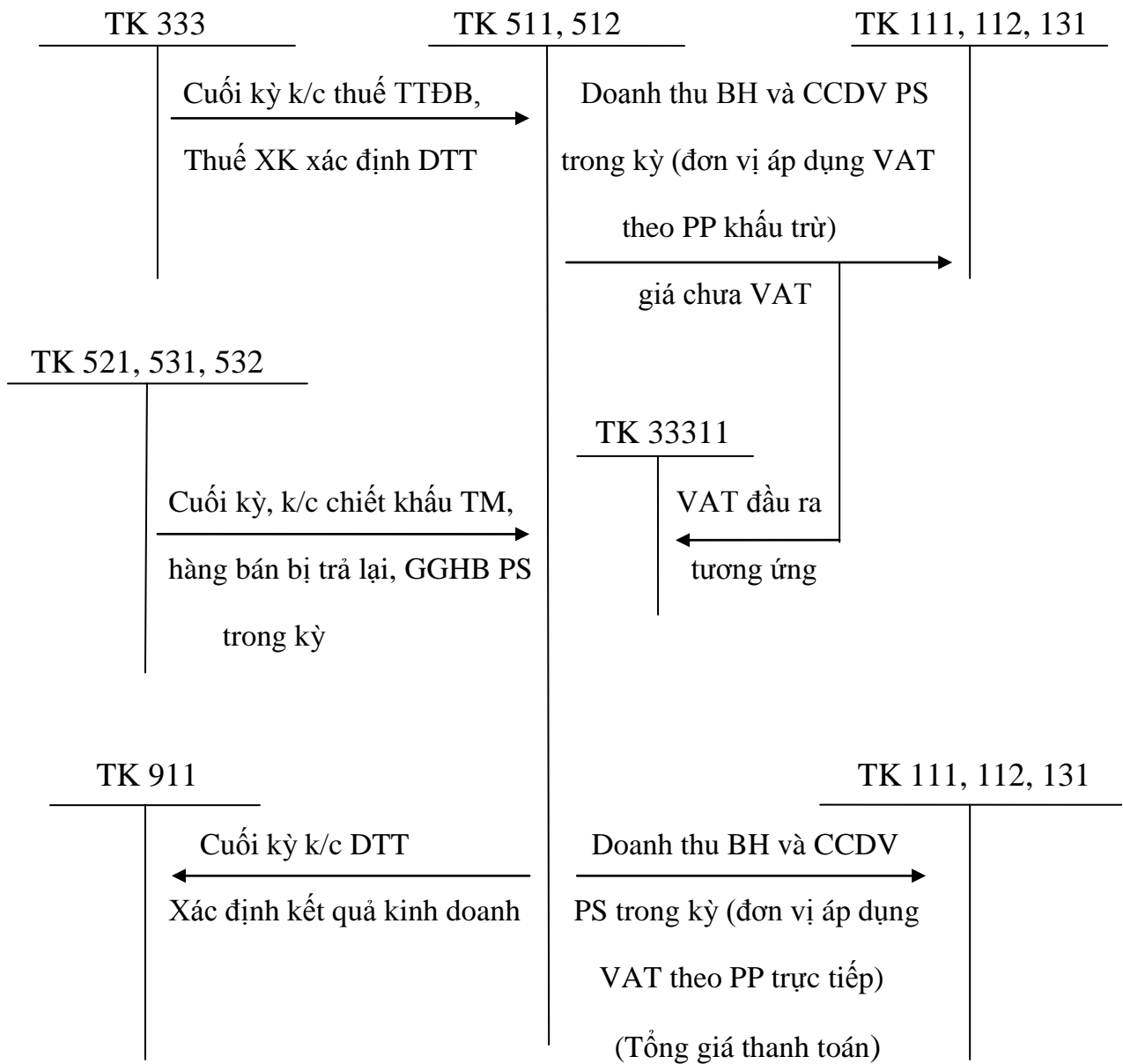
- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

*** *Phương pháp hạch toán***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ



1.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;

- Các chứng từ liên quan khác;

*** Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 515 (Doanh thu tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

*** Kết cấu tài khoản này như sau:**

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911

Bên Có:

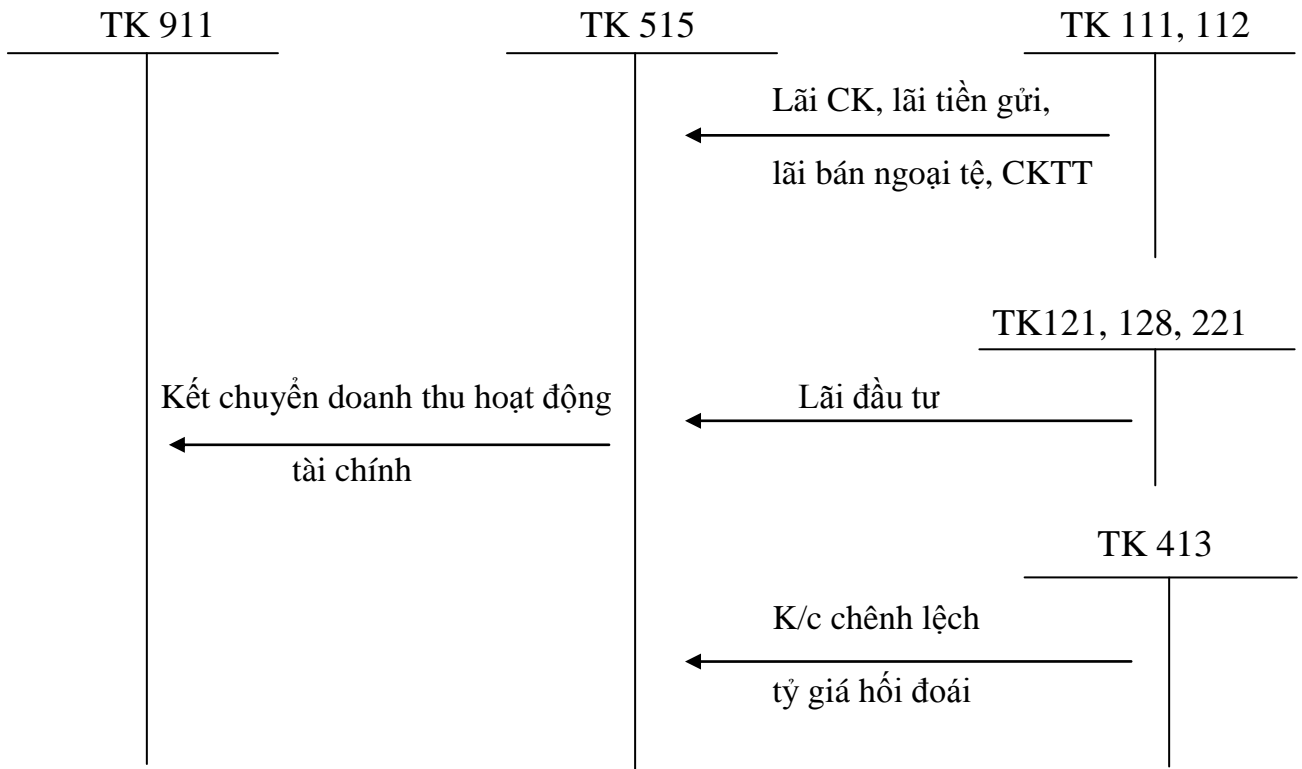
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản đã hoang thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.

Tài khoản 515 không có số dư

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

*** Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 711: Thu nhập khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 711

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác của doanh nghiệp nộp thuế theo phương pháp trực tiếp
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh sang tài khoản 911

Bên Có:

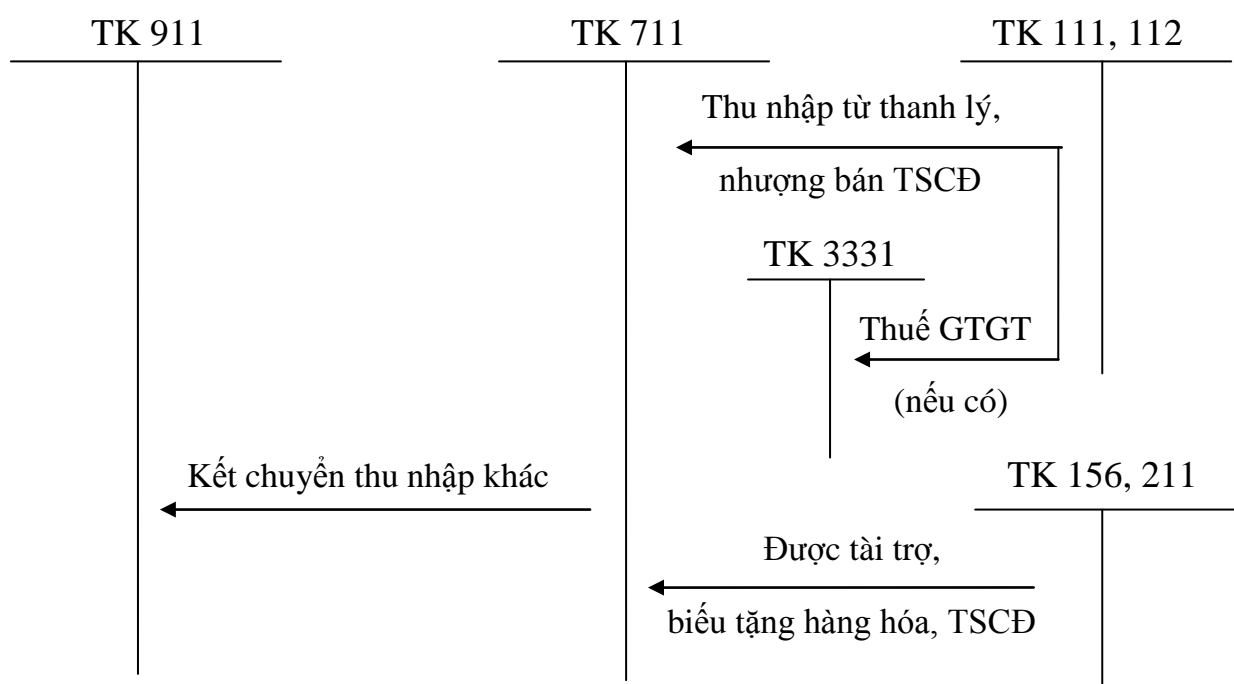
- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập hoạt động khác



1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Chứng từ sử dụng:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ,

kip thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02-VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03-VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02GTTT-3LL)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá, đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng.

*** Tài khoản sử dụng:**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên sử dụng tài khoản : Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”. Tài khoản này dùng để phân tích trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư , giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ.

*** Kết cấu nội dung tài khoản 632:**

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã bán trong kỳ
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không được phân bổ được tính vào giá vốn.
- Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐHH tự xây dựng, tự chế hoàn thành.

- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết)

Bên Có:

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Khoản trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước)

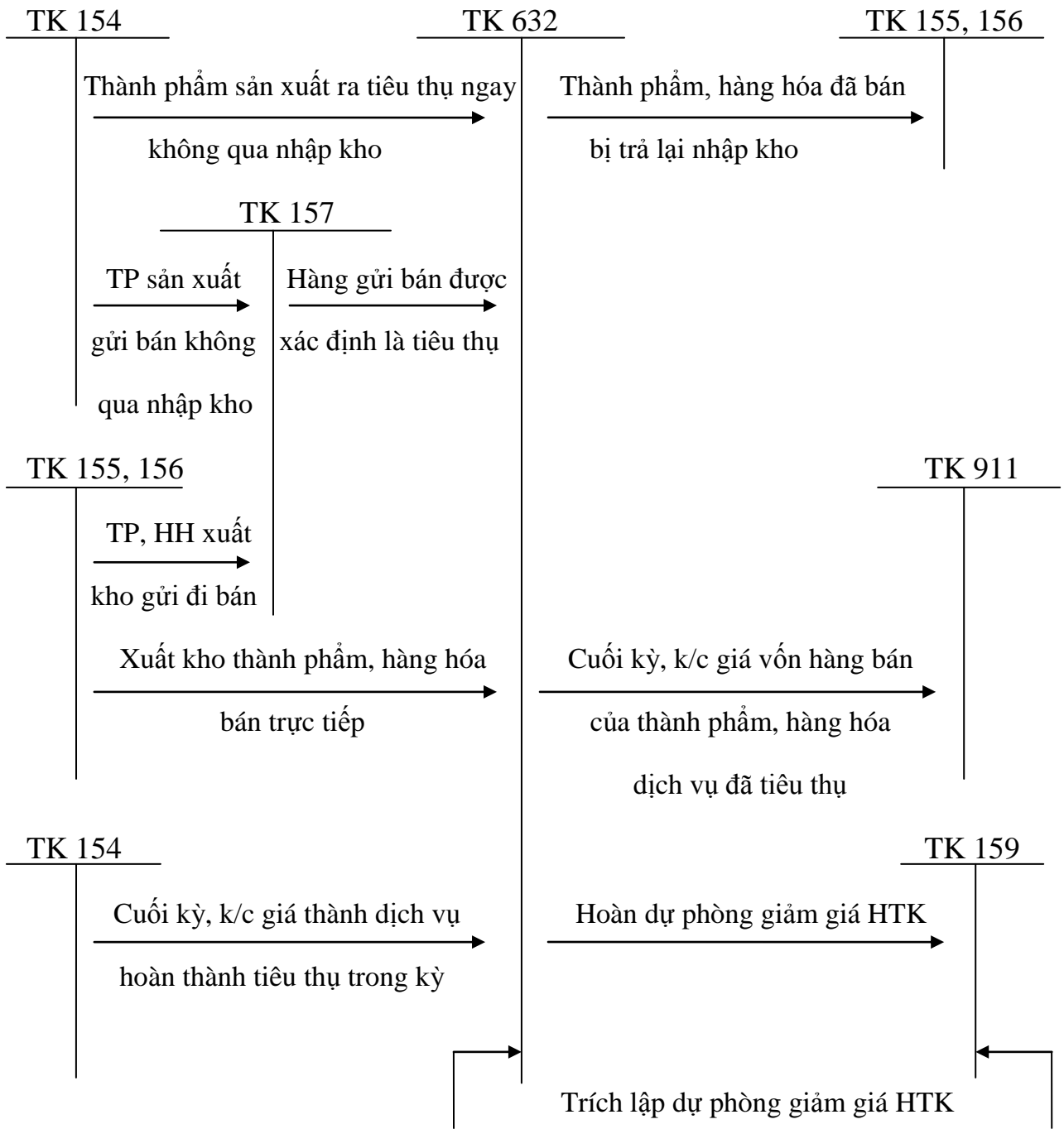
- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Tài khoản 632 không có số dư

*** Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

*** Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu - công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Các chứng từ gốc liên quan: phiếu chi, giấy báo nợ...

*** Tài khoản sử dụng: Tài khoản 641**

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6418: Chi phí bằng tiền khác.

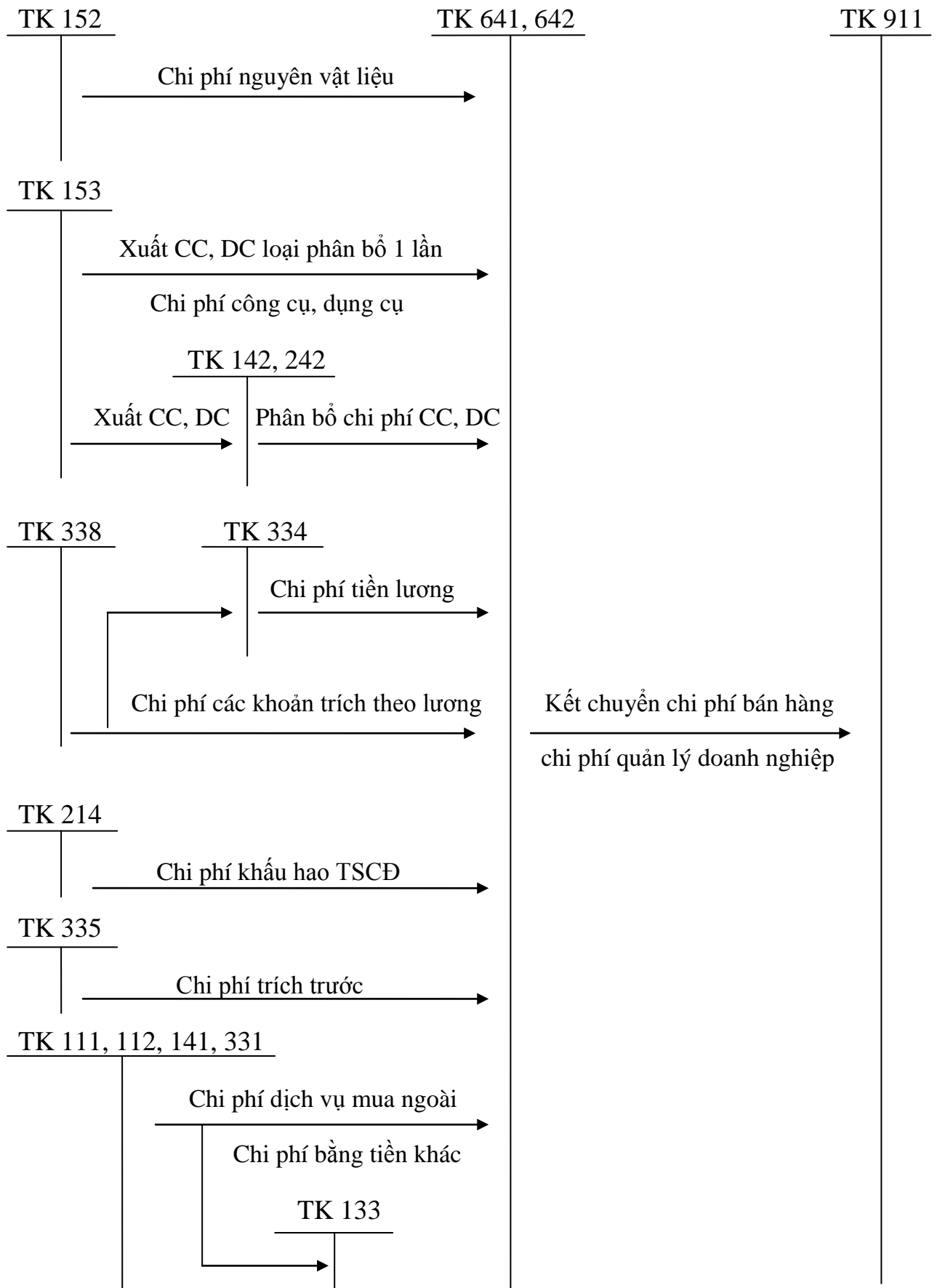
*** Tài khoản sử dụng: Tài khoản 642**

Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác.

*** Phương pháp hạch toán:** Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

* Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

* Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 635 (Chi phí tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

Kết cấu tài khoản này như sau:

Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ kinh doanh
- Các khoản chi phí tài chính khác

Bên Có:

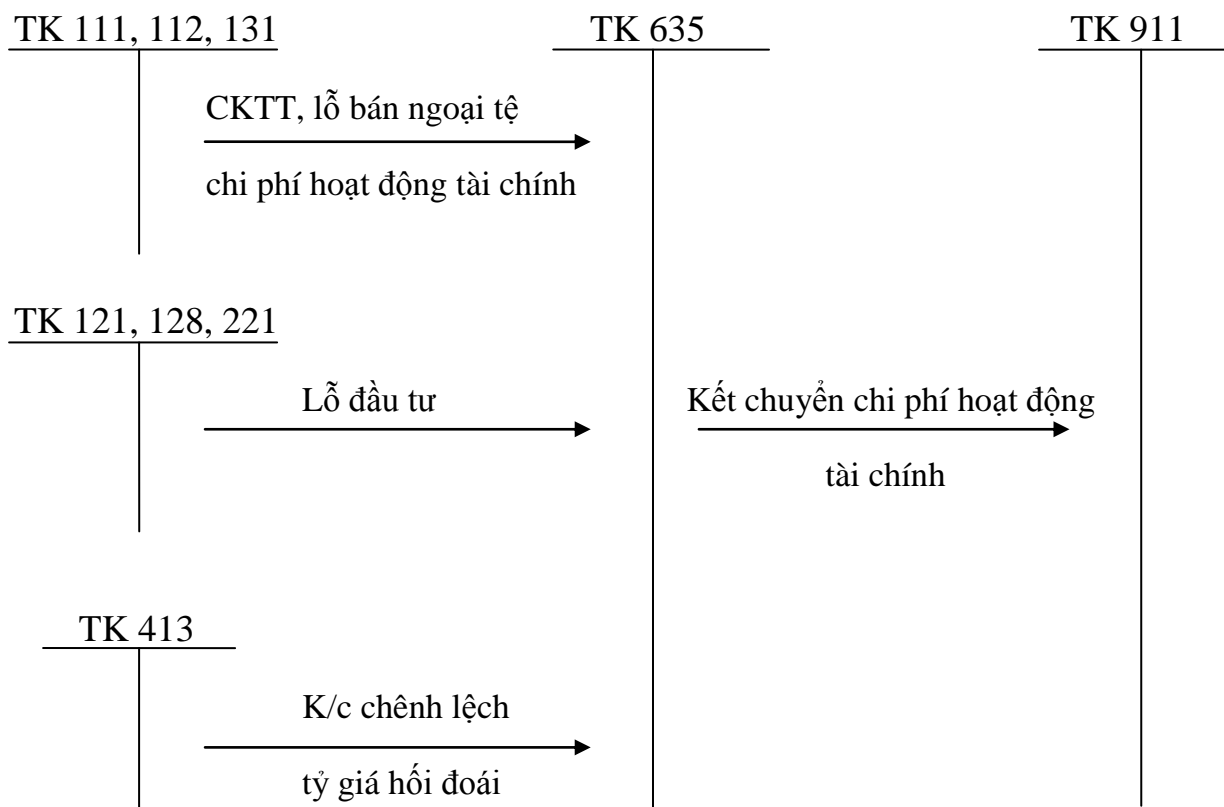
- Các khoản giảm chi phí tài chính
- Cuối kỳ k/c toàn bộ chi phí tài chính và các khoản lỗ phát sinh trong kỳ sang TK 911 để xác định KQKD

Tài khoản 635 không có số dư

* Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.2.4. Kế toán chi phí khác

* Chứng từ sử dụng

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 811: Chi phí khác

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

- Kết cấu tài khoản 811

Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ

Bên Có:

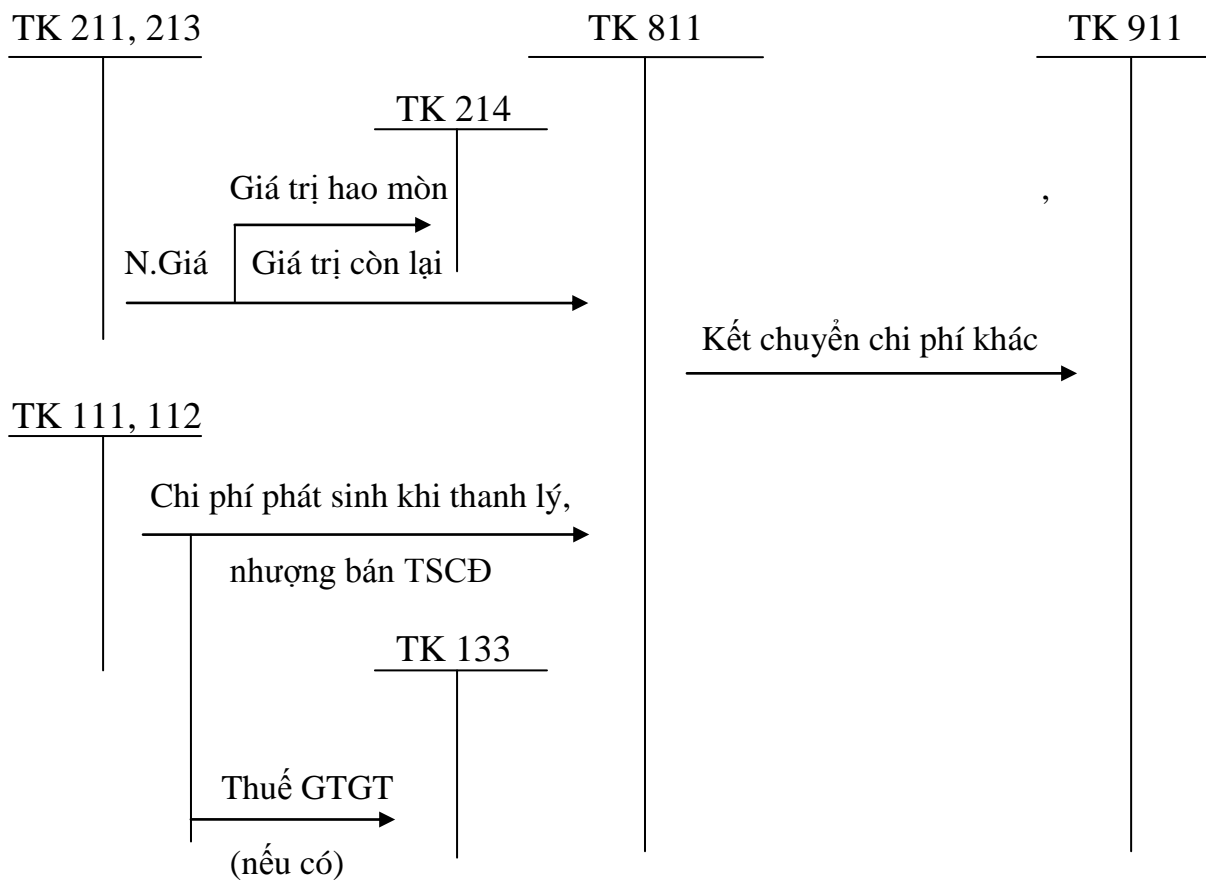
- Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán:**

Phương pháp hạch toán chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí hoạt động khác



1.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán.

* Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”**: Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

* Kết cấu tài khoản 911 như sau:

Bên Nợ: - Trị giá vốn sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ đã tiêu thụ CPBH, CPQLDN.

- Chi phí tài chính, chi phí thuế TNDN và chi phí khác
- Kết chuyển lãi sau thuế.

Bên Có:

- Doanh thu thuần về sản phẩm hàng hóa, lao vụ dịch vụ hàng hóa đã tiêu thụ trong kỳ.

- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác, khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

* Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về} \\ \text{bán hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		=	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	Giá vốn hàng bán
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	=	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
					-	Chi phí bán hàng
					-	Chi phí quản lý doanh nghiệp
Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	+	Lợi nhuận khác		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		

*** TK821 - Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của Doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định KQKD của Doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Bên Có:

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm.
- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.
- Kết chuyển CP thuế TNDN sang TK 911 “Xác định KQKD”

TK 821 không có số dư cuối kỳ

* TK 821 có 2 TK cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- TK 8222 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

* **TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế TNDN và tình hình phân chia LN hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Bên Nợ:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp
- Trích lập các quỹ của Doanh nghiệp
- Chi cổ tức lợi nhuận cho các cổ đông, các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh.
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

Bên Có:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh trong kỳ
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù.
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- *Số dư bên Nợ:* Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- *Số dư bên Có:* Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

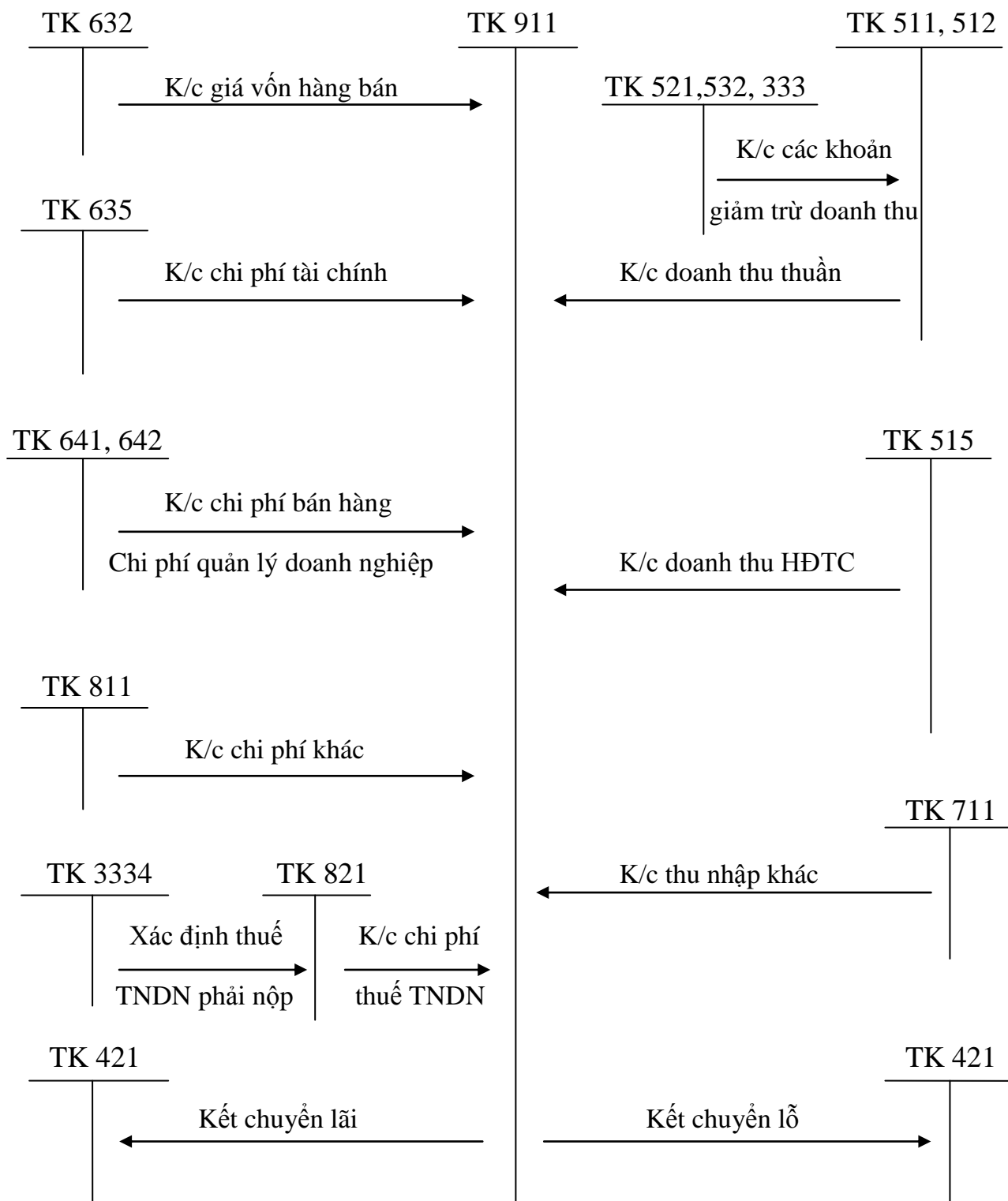
Tài khoản 421 có 2 tài khoản cấp 2:

- + *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:*
- + *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay*

*** Phương pháp hạch toán**

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.8 sau:

Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



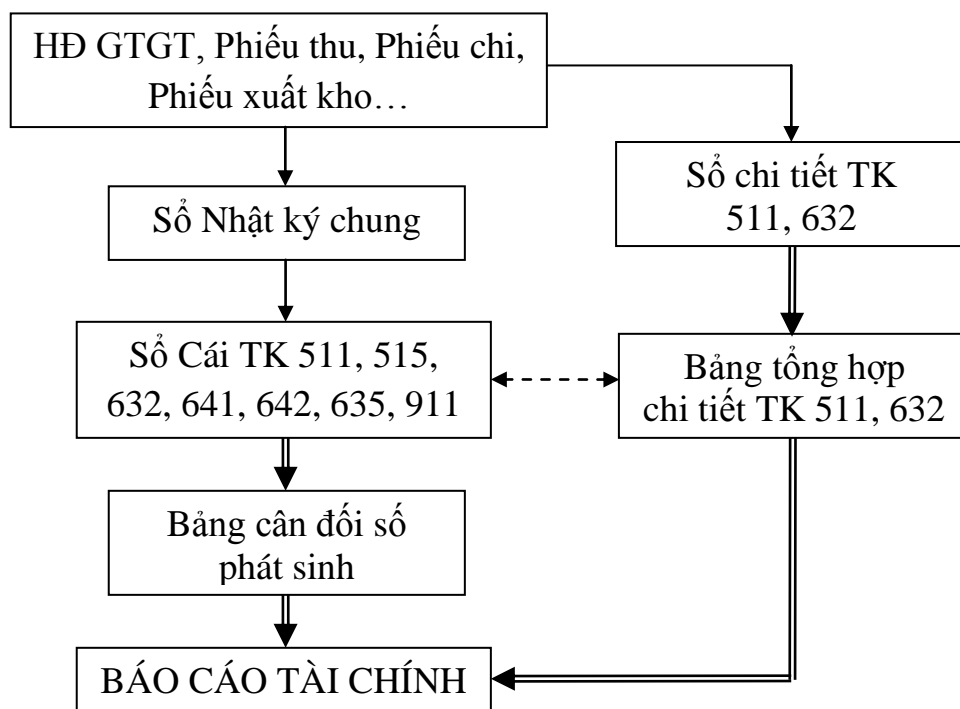
1.3. Các hình thức, sổ kế toán và quy trình ghi sổ sử dụng trong kế toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Theo chế độ kế toán hiện hành, có 5 hình thức kế toán mà đơn vị kinh tế có thể chọn áp dụng. Các hình thức kế toán hiện hành bao gồm:

- **Hình thức Nhật ký chung:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Nhật ký chung;
- + Sổ nhật ký đặc biệt: Sổ nhật ký bán hàng;
- + Sổ Cái;
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.9: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

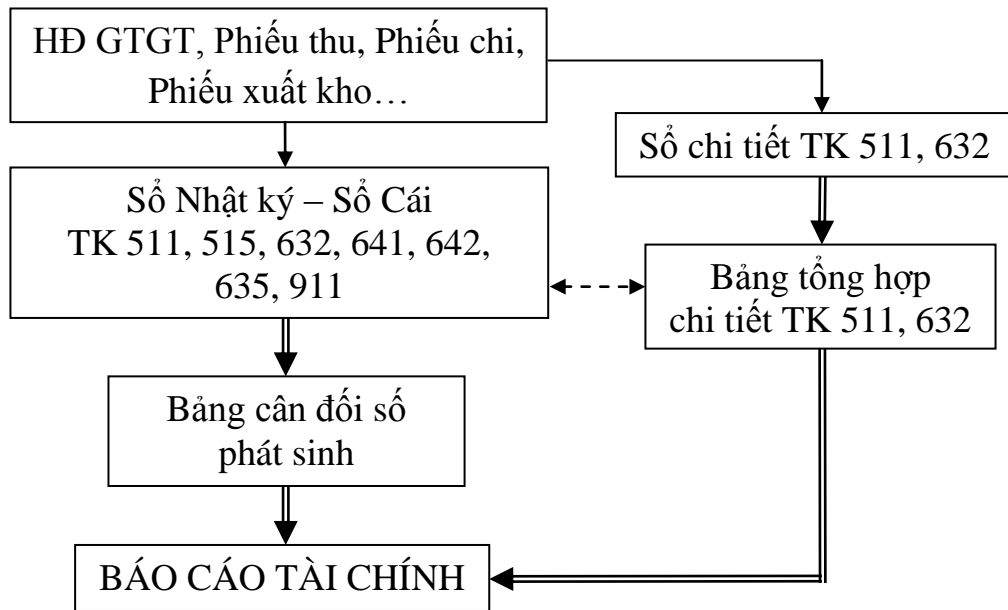
Ghi hàng ngày	—————→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	══════════→
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←-----→

- **Hình thức Nhật ký – Sổ cái:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng sổ sau:

+ Sổ Nhật ký – Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.10: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Sổ cái



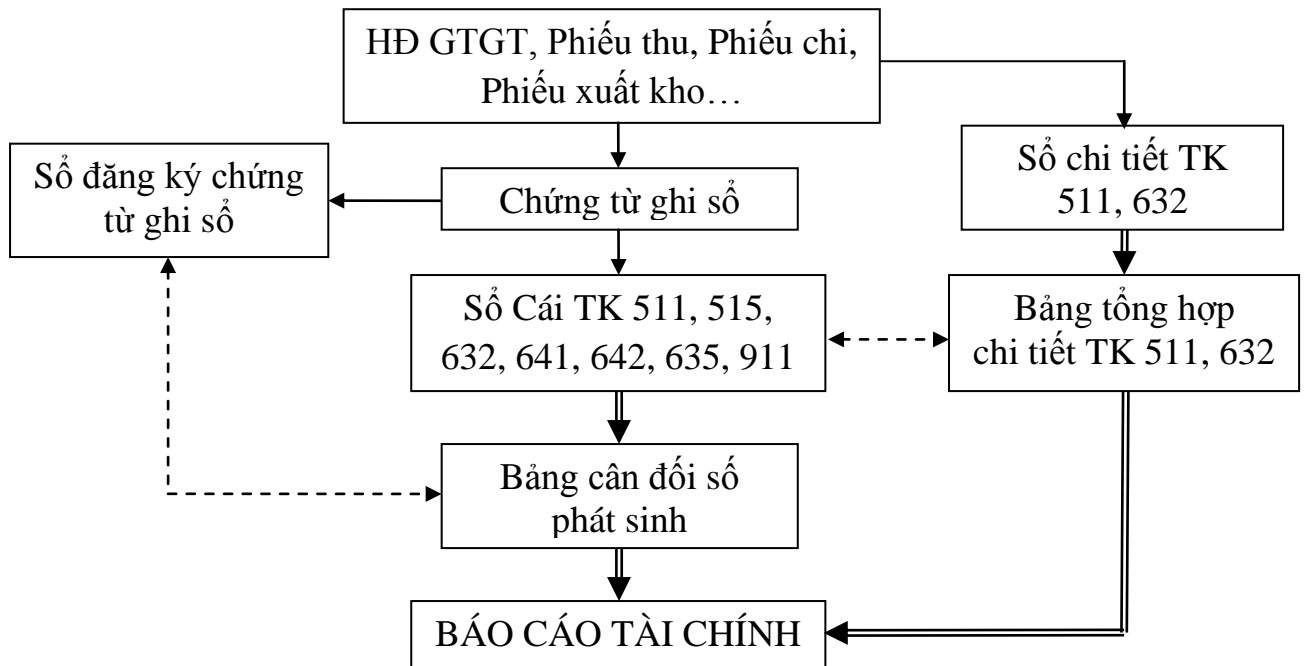
Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	══════════→
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←-----→

- **Hình thức Chứng từ ghi sổ:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ sau:

- + Chứng từ ghi sổ;
- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;
- + Sổ Cái.

Sơ đồ 1.11: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

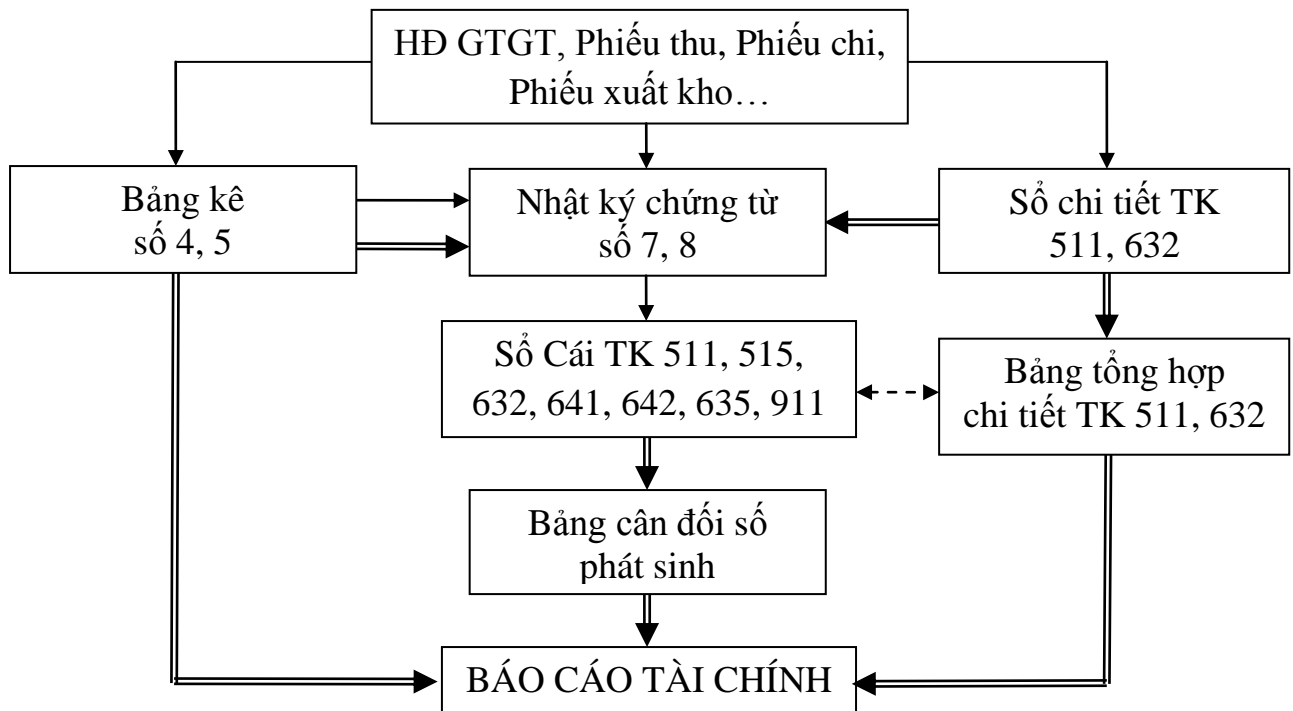
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ ══════════→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←-----→

- **Hình thức Nhật ký – Chứng từ:** Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sử dụng các sổ kế toán sau:

- + Nhật ký chứng từ;
- + Bảng kê;
- + Sổ cái;
- + Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 1.12: Quy trình ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức Nhật ký – Chứng từ

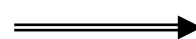


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



- Hình thức kế toán máy

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định. Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

2.1. Một số nét khái quát về Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Tên doanh nghiệp:** CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
- **Tên tiếng anh:** HOANG LONG HAI PHONG JOINT STOCK COMPANY
- **Tên viết tắt:** HOANG LONG HAI PHONG JSC
- **Loại hình doanh nghiệp:** Công ty cổ phần
- **Địa chỉ:** Số 25B-Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng – Hải Phòng
- **Website:** www.classic-hoanglonghotel.com
- **Số tài khoản:** 32110000377819 tại BIDV – CN Hải Phòng
- **Số đăng ký kinh doanh:** 055599
- **Mã số thuế:** 0200371925
- **Người đại diện:** Nguyễn Thị Dung

Công ty Cổ phần Hoàng Long được thành lập ngày 26/11/2010 cùng với sự khai trương của Khách sạn Classic Hoàng Long. Trải qua gần 2 năm xây dựng và phát triển với cơ sở vật chất gồm 1 khách sạn 3 sao được thiết kế theo phong cách cổ điển có 17 tầng với 54 phòng nghỉ, tiện nghi hiện đại, đầy đủ các chức năng và được thiết kế một cách độc đáo, tất cả hệ thống phòng nghỉ đều đạt tiêu chuẩn Quốc tế. Là một trong những khách sạn sang trọng và tiện nghi nằm tại trung tâm thành phố, được biết đến với các dịch vụ phòng nghỉ, phòng hội thảo, ẩm thực, câu lạc bộ sức khỏe... mang phong cách phục vụ chuyên nghiệp và hoàn hảo, Khách sạn Classic Hoàng Long của Công ty Cổ phần Hoàng Long đã khẳng định được thương hiệu trong lòng du khách không chỉ trong nước mà còn cả quốc tế.

2.1.2. Lĩnh vực kinh doanh của công ty

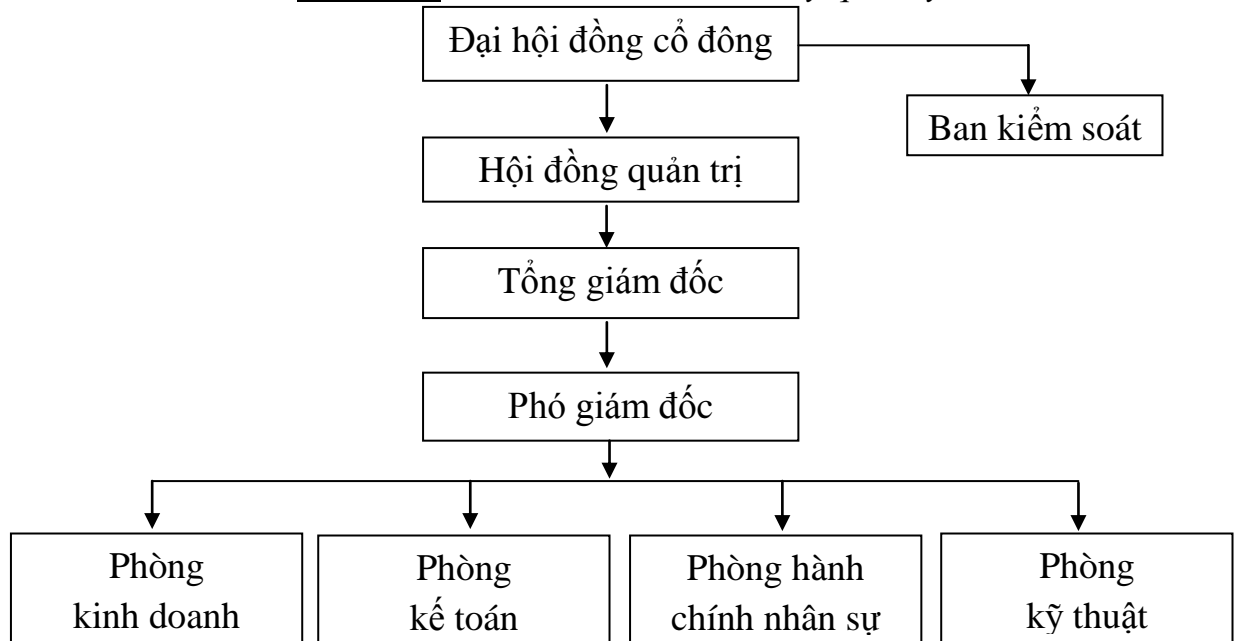
Công ty hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 055599 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, bao gồm:

- Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn nghỉ.
- Tổ chức hội nghị, hội thảo, tiệc cưới.
- Kinh doanh các dịch vụ vui chơi giải trí (karaoke, vật lý trị liệu...).
- Đại lý, ký gửi mua bán các loại hàng hóa.

2.1.3. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý

Hiện nay, bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo kiểu trực tuyến chức năng thể hiện qua sơ đồ 2.1 như sau:

Sơ đồ 2.1: Mô hình tổ chức bộ máy quản lý



Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- **Đại hội đồng cổ đông:** là cơ quan quyền lực quyết định cao nhất. Công ty hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bổ sung, bãi miễn thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản trị cao nhất ở Công ty, có trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh Công ty trừ các

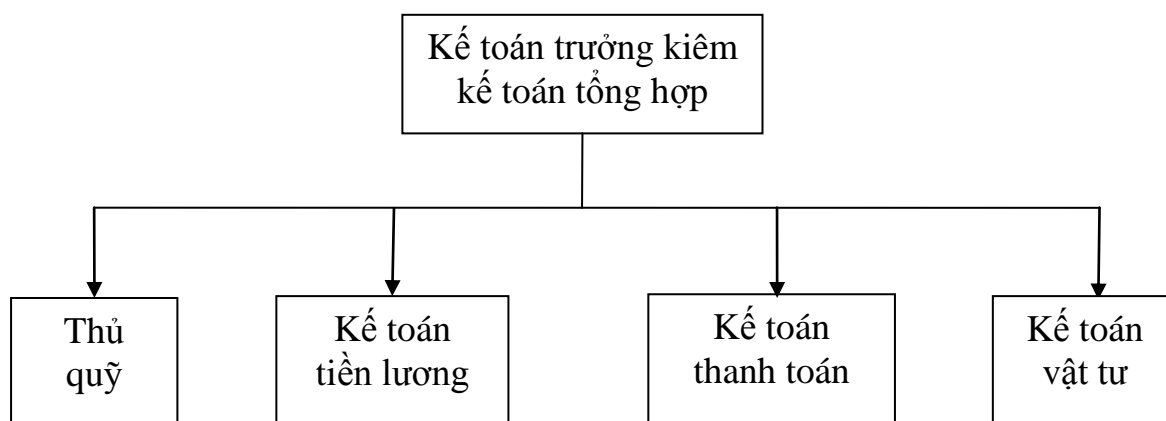
vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý thuộc phạm vi quản lý của Hội đồng quản trị.

- **Ban kiểm soát:** là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh quản trị điều hành Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban giám đốc Công ty.
- **Tổng giám đốc:** do Hội đồng quản trị bầu ra thông qua Đại hội đồng cổ đông. Chịu trách nhiệm điều hành quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng mà Đại hội đồng, Hội đồng quản trị đã thông qua.
- **Phó giám đốc:** do Hội đồng quản trị bầu ra, điều hành những công việc đã được Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc giao. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về lĩnh vực được phân công.
- **Các phòng ban:** có chức năng giúp việc cho ban lãnh đạo, trực tiếp quản lý theo lĩnh vực của mình.

2.1.4. Tổ chức công tác kế toán

2.1.4.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Phòng kế toán có chức năng tổ chức bộ máy kế toán, thống kê, ghi chép, tính toán, phản ánh tình hình tăng giảm tài sản, nguồn vốn, phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, bảo quản lưu trữ các tài liệu kế toán thống kê, theo dõi công nợ, xuất nhập tồn hàng hóa. Bên cạnh đó, phòng phải tổ chức bảo quản, lưu trữ, thống kê, giữ bí mật các tài liệu kế toán, tổ chức hướng dẫn thi hành các chế độ tài chính kế toán của Nhà Nước.



Sơ đồ 2.2: Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

- **Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp** : có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, chỉ đạo trực tiếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc về các hoạt động kinh doanh, tổ chức kiểm tra kế toán nội bộ trong công ty. Khi quyết toán được lập xong, kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh và phân tích, giải thích kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm về mọi số liệu ghi trong bảng quyết toán, nộp đầy đủ, đúng hạn các báo cáo tài chính theo quy định. Là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp nên kế toán trưởng theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho sản phẩm và giá trị. Tính doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và tính các khoản phải thu, phải trả nhà cung cấp và khách hàng của Công ty.
- **Kế toán viên:** Tính toán tổng hợp và phân bổ số liệu kế toán phục vụ cho các phân hành, phần việc kế toán mình phụ trách.
 - Kế toán tiền lương: thực hiện tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương, các khoản phụ cấp, trợ cấp cho toàn thể nhân viên trong công ty, đồng thời kiêm phụ trách lập các báo cáo thống kê theo quy định.
 - Kế toán thanh toán: có nhiệm vụ thanh toán với khách hàng về công nợ, thanh toán các khoản tạm ứng, phải thu, phải trả và theo dõi việc thanh toán đối với Ngân sách Nhà nước.

- Kế toán vật tư: theo dõi, quản lý và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nhập-xuất-tồn hàng hóa, công cụ dụng cụ phục vụ cho kinh doanh theo lệnh của Tổng Giám đốc Công ty.
- **Thủ quỹ** : quản lý tiền mặt của công ty, thu và chi tiền mặt khi có lệnh. Hàng tháng phải kiểm kê số tiền thu hiện thu và chi đối chiếu với sổ sách các bộ phận có liên quan.

2.1.4.2. Tổ chức hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán tại công ty

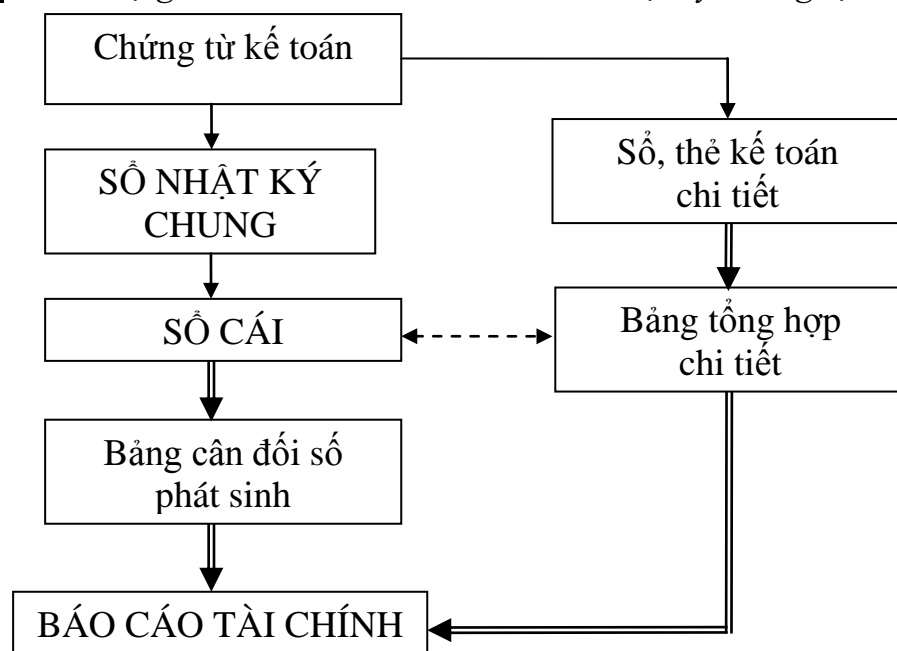
Công ty tổ chức, vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC.

2.1.4.3. Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại công ty

- Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: **Nhật ký chung**.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty



Ghi chú:

Ghi hàng ngày	—————→
Ghi cuối tháng hoặc định kỳ	══════════→
Quan hệ đối chiếu, kiểm tra	←-----→

*** Chính sách kế toán:**

- Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm
- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Công ty xác định hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng xuất kho theo nhập trước xuất trước (FIFO).
- Phương pháp kế toán TSCĐ: TSCĐ được ghi sổ theo giá gốc, giá trị hao mòn và giá trị còn lại. Khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao xác định phù hợp theo Quyết định 206/2003 - BTC

*** Trình tự ghi sổ kế toán như sau:**

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán (Mẫu B01-DN).

- Bảng báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu B02-DN).
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu B03-DN).
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B04-DN).

2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

2.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Doanh thu chủ yếu của công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng là doanh thu phòng nghỉ và doanh thu ăn uống.

- Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

* Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.

Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.

Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

* Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng: Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu. Cuối tháng, kế toán xác định giá vốn.

+ Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng)
- Phiếu thu
- Một số chứng từ khác có liên quan

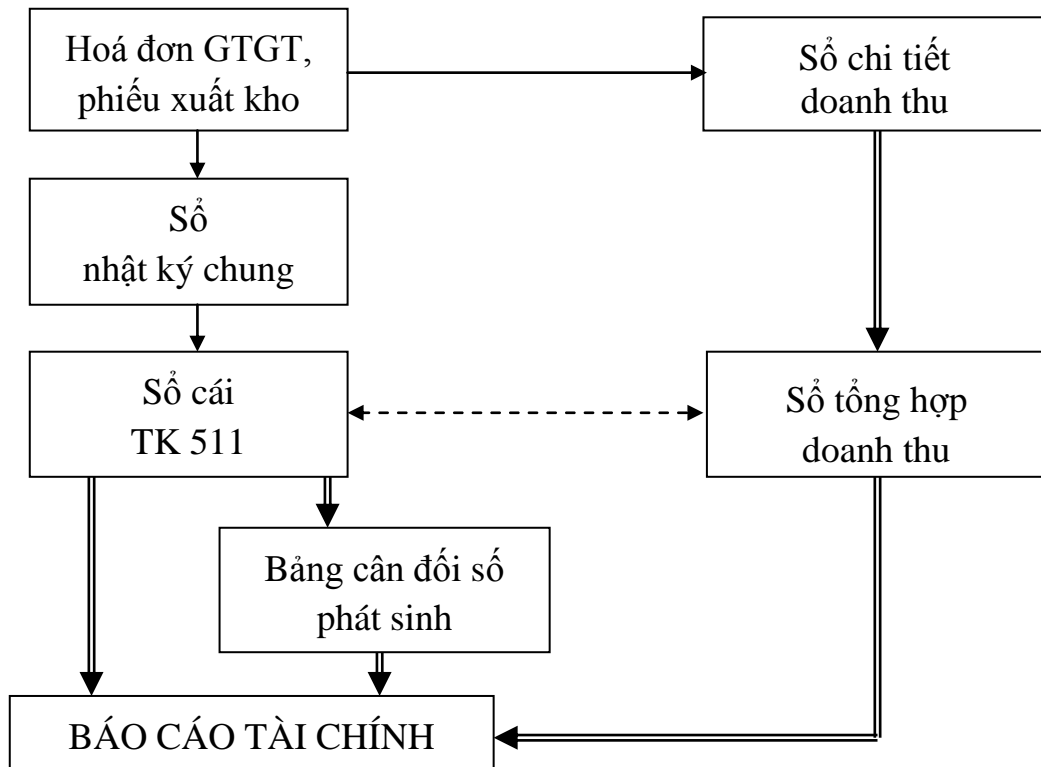
*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó, TK 511 được mở chi tiết cho từng dịch vụ, như sau:

- TK 5111: Doanh thu khách sạn
- TK 5112: Doanh thu nhà hàng
- TK 5113: Doanh thu dịch vụ khác

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==→ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ←- - - -> Kiểm tra, đối chiếu

* **Ví dụ:** Ngày 02/12/2011, công ty TNHH Northman thanh toán tiền phòng từ ngày 01/12 - 02/12 bằng tiền mặt, số tiền đã bao gồm thuế VAT 10% là 8.222.824 đồng.

Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG		Mẫu số: 01 GTKT3/001														
Liên 3: Nội bộ		Ký hiệu: AA/11P														
Ngày 02 tháng 12 năm 2011		Số: 0195648														
Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng																
Mã số thuế: 0200371925																
Địa chỉ: Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP																
Điện thoại: 031.3282666																
Số tài khoản: 32110000377819 tại Ngân hàng BIDV Hải Phòng																
Họ tên người mua hàng:																
Tên đơn vị: Công ty TNHH Northman																
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td> </tr> </table>			0	2	0	1	1	1	3	5	0	0				
0	2	0	1	1	1	3	5	0	0							
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà Harbour View, số 4 Trần Phú, Hải Phòng.																
Hình thức thanh toán: TM.....Số tài khoản:																
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2											
1	Tiền phòng				7.475.295											
	/															
Cộng tiền hàng					7.475.295											
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					747.529											
Tổng cộng tiền thanh toán					8.222.824											
Số tiền viết bằng chữ: <i>Tám triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi tư đồng./</i>																
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, ghi rõ họ tên)												

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.2: Phiếu thu

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số 02-TT

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng
BTC

PHIẾU THU

Quyển số: 01

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Số: 08/12

Nợ: 1111

Có: 5111, 3331

Họ tên người nộp tiền: Lương Thị Hồng.....

Địa chỉ: Cty TNHH Northman

Lý do nộp: Thanh toán tiền phòng

Số tiền: 8.222.824.....

Viết bằng chữ: *Tám triệu, hai trăm hai mươi hai ngàn, tám trăm hai mươi tư đồng./.....*

Kèm theo01..... Chứng từ kế toánHĐ 0195648.....

Ngày 02 tháng 12 năm 2011

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.3: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03a-DN

25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
							
01/12	02PT	01/12	DT ăn uống theo HĐ 0195646			1111 5112 3331	1.460.000	1.327.273 132.727
01/12	HĐ	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			131 5111 3331	4.756.000	4.323.636 432.364
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
02/12	HĐ	02/12	DT ăn uống theo HĐ 0195649			131 5112 3331	1.000.000	909.091 90.909
03/12	4NK	03/12	Nhập kho máy quét			153 133 331	2.590.909 259.091	2.850.000
03/12	05NK	03/12	Nhập kho xà phòng giặt			152 133 1111	2.173.470 217.347	
04/12	13BC	04/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195650			1121 5111 3331	1.955.000	1.777.273 177.727
.....							
31/12	121 PKT	31/12	K/c DT XD KQKD			511 911	365.003.547	365.003.547
....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.4: Trích sổ chi tiết doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S10-DN

Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-HB

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ CHI TIẾT DOANH THU

Tên dịch vụ: Khách sạn

Năm: 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số tiền	Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng				Thuế	Khác (521, 531,532)
A	B	C	D	E		4	5
...						
01/12	HĐ	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647	131	4.323.636		
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648	1111	7.475.295		
04/12	13BC	04/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195649	1121	1.777.273		
05/12	10PT	05/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195652	1111	1.916.116		
07/12	HĐ	07/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195654	131	2.116.364		
09/12	15PT	09/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195655	1111	681.818		
10/12	15BC	10/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195657	1121	8.394.545		
11/12	17PT	11/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195658	1111	3.272.727		
11/12	21BC	11/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195662	1121	1.463.700		
12/12	20PT	12/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195663	1111	5.963.636		
.....				
31/12	56PT	31/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195714	1111	2.200.000		
.....						
			Cộng số phát sinh	x	219.256.267	x	x

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Trích sổ tổng hợp doanh thu

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-HB

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT DOANH THU

Tháng 12 năm 2011

Năm: 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi Có TK 511	Ghi Nợ TK 511
	Số hiệu	Ngày tháng		Số tiền	Số tiền
....
31/12	SCT	31/12	Doanh thu khách sạn	219.256.267	
31/12	SCT	31/12	Doanh thu nhà hàng	125.265.255	
31/12	SCT	31/12	Doanh thu dịch vụ khác	20.482.025	
			- Dịch vụ ký gửi hàng hóa	13.185.500	
			- Dịch vụ khác	7.296.525	
31/12	121 PKT	31/12	K/c DT bán hàng và cung cấp dịch vụ T12		365.003.547
			Cộng	365.003.547	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.6: Trích sổ cái TK 511

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
							
01/12	02PT	01/12	DT ăn uống theo HĐ 0195646			1111		1.327.273
01/12	05PT	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			1111		4.323.636
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111		7.475.295
02/12	HĐ	02/12	DT ăn uống theo HĐ 0195649			131		909.091
04/12	13BC	04/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195650			1121		1.777.273
05/12	10PT	05/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195652			1111		1.916.116
06/12	HĐ	06/12	DT ăn uống theo HĐ 0195653			131		8.394.545
07/12	HĐ	07/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195654			131		2.116.364
....		
31/12	121 PKT	31/12	K/c DT XD KQKD T12			911	365.003.547	365.003.547
....							
			- Cộng số phát sinh				4.308.281.517	4.308.281.517
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.1.2. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2011 của công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng là từ hoạt động gửi tiền vào tài khoản ngân hàng.

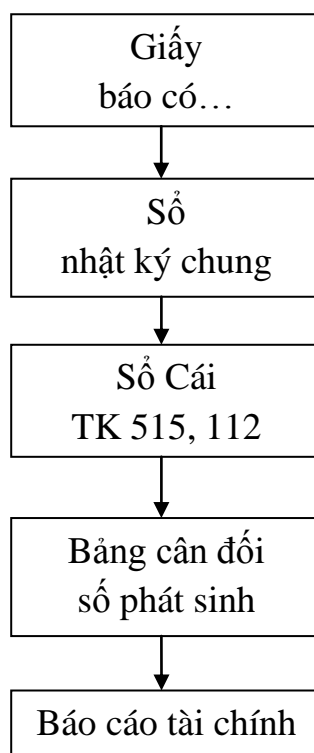
* Chứng từ sử dụng

- Sổ phụ
- Sổ tài khoản khách hàng
- Phiếu thu....

* Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515: Doanh thu tài chính

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

Ví dụ: Ngày 25/12/2011, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV-Chi nhánh Hải Phòng thông báo trả lãi tiền gửi tháng 12 qua tài khoản của công ty, số tiền 281.455 đồng.

Biểu 2.7: Sổ tài khoản khách hàng



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Bank for Investment and Development of Vietnam

CHI NHÁNH/ Branch: HẢI PHÒNG

Mẫu số/ Sample No : CT001/KH

Ngày in/ Prt. Date :

28/12/2011

SỐ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Khách hàng/ Customer name: CTY CP HOANG LONG HAI PHONG

Số tài khoản/ Account No. : 32110000377819 **Mã KH/CIF No** : 2175017 **Loại tiền**
tệ/Currency: VND

Ngày hạch toán/Posting date : 25/12/2011

Ngày giao dịch trước/Last txn : 24/12/2011

Diễn giải <i>Txn Description</i>	Phát sinh Nợ <i>Debit amount</i>	Phát sinh Có <i>Credit amount</i>	Ng hiệu lực <i>Eff. Date</i>	GDV <i>Teller</i>	C.từ <i>Seq No</i>	Số séc <i>Check No</i>
Dư đầu ngày/ <i>Beginning balance</i>		9,381,833.00				
		281,455.00	25/12/2011	DD4400	370	
Cộng phát sinh/ <i>Total amount</i>		281,455.00				
Dư cuối ngày/ <i>Ending balance</i>		9,663,288.00				

Trong đó

- Số dư khả dụng/Availble Amount: 9,663,288.00	- Nhờ thu/Collection : 0.00
- Số dư phong tỏa/Hold amount : 0.00	- Số dư sổ cái/Ledger Balance: 9,663,288.00

Giao dịch viên/ Checked by

Kiểm soát viên/ Verified by

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.8: Thông báo lãi của ngân hàng

NGAN HANG DAU TU VA PHAT TRIEN VIET NAM	
Chi nhánh : 321 CN NGAN HANG DT&PT HAI PHONG	
DD INTEREST VOUCHER	
Ngày : 28/12/2011	
Ten TK : CTY CP HOANG LONG HAI PHONG	
Tai khoan so : 321-10-00-037781-9	Loai tien :
VND	
Ngày giao dich : 25/12/2011	

So du TK	Lai suat (%)	
9,381,833.00	3.000000000	281,455.00

: 281,455.00	
: HAI TRAM TAM MOT NGAN BON TRAM NAM MUOI NAM VND CHAN	
Teller	Kiem soat vien
.....

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.9: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....							
01/12	4PC	01/12	Thanh toán tiền cấp TH T11 theo HĐ 391825			6271 133 111	1.181.818 118.182	1.300.000
01/12	02PT	01/12	DT ăn uống theo HĐ 0195646			1111 5112 3331	1.460.000	1.327.273 132.727
01/12	HĐ	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			131 5111 3331	4.756.000	4.323.636 432.364
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
02/12	HĐ	02/12	DT ăn uống theo HĐ 0195649			131 5112 3331	1.000.000	909.091 90.909
03/12	4NK	03/12	Nhập kho máy quét			153 133 331	2.590.909 259.091	2.850.000
.....						
25/12	370 STK	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12			1121 515	281.455	281.455
.....							
31/12	125 PKT	31/12	K/c DT TC T12			515 911	281.455	281.455
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Giám đốc

Biểu số 2.10: Trích sổ cái TK 515

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
....							
25/08	190 STK	25/08	Lãi tiền gửi tháng 8			1121		110.246
31/08	110 PKT	31/08	K/c DT TC T8				110.246	
25/09	246 STK	25/09	Lãi tiền gửi tháng 9			1121		214.215
30/9	138 PKT	30/9	K/c DT TC T9			911	214.215	
25/10	284 STK	25/10	Lãi tiền gửi tháng 10			1121		40.935
31/10	149 PKT	31/10	K/c DT TC T10			911	40.935	
25/11	342 STK	25/11	Lãi tiền gửi tháng 11			1121		327.223
30/11	151 PKT	30/11	K/c DT TC T11			911	327.223	
25/12	370 STK	25/12	Lãi tiền gửi tháng 12			1121		281.455
31/12	162 PKT	31/12	K/c DTTC T12			911	281.455	
			- Cộng số phát sinh				3.426.434	3.426.434
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập kể trên. Đối với công ty chủ yếu là những khoản thu nhập như :thu nhập từ việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, xử lý công nợ, hoàn nhập dự phòng... Khoản thu nhập này chỉ chiếm giá trị nhỏ trong tổng số thu nhập của công ty.

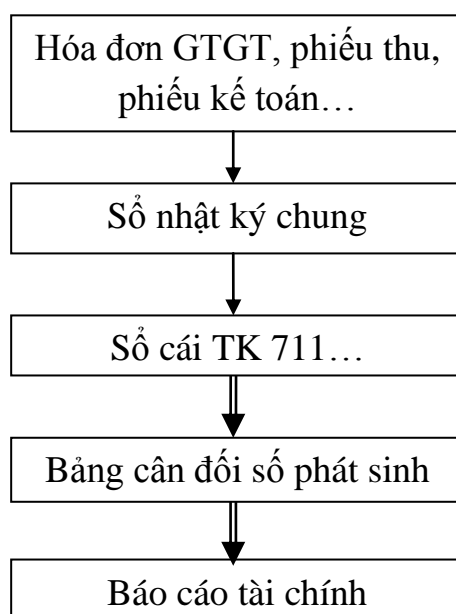
* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi...

* Tài khoản sử dụng

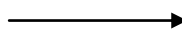
- TK 711: Thu nhập khác.

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán thu nhập khác

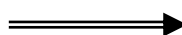


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng năm 2011 không phát sinh khoản thu nhập khác.

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng**

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán

Trong đó, tại công ty, TK 632 được mở chi tiết cho từng dịch vụ, như sau:

- TK 6321: Giá vốn khách sạn
- TK 6322: Giá vốn nhà hàng
- TK 6323: Giá vốn dịch vụ khác: hội thảo, cước vận chuyển ...

*** Quy trình hạch toán**

Công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực nhà hàng, khách sạn. Giá vốn hàng bán của công ty bao gồm các chi phí phát sinh như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Công ty sử dụng TK 621 để phản ánh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và TK 627 để phản ánh chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Cuối kỳ, kết chuyển thẳng sang TK 632 để xác định giá vốn dịch vụ. Cụ thể, như:

Kế toán hoạt động kinh doanh khách sạn: bao gồm dịch vụ cho thuê phòng và dịch vụ kèm theo như: giặt ủi, karaoke, massage...

* TK 6211 - Chi phí nguyên vật liệu dùng cho khách sạn, gồm:

- Chi phí NVL trực tiếp:

Cho thuê phòng: trà, kem đánh răng, xà bông, báo, tạp chí...

Massage: các loại hóa mỹ phẩm

Giặt ủi: xà phòng giặt, nước xả vải...

* TK 6271 – Chi phí sản xuất chung của khách sạn, gồm:

- Chi phí nhân công trực tiếp: tiền lương phải trả của bộ phận lao động:

Cho thuê phòng: nhân viên phục vụ phòng

Massage: nhân viên massage

Giặt ủi: nhân viên giặt ủi

- Chi phí sản xuất chung: Chi phí phục vụ quản lý phòng Khách sạn, khấu hao TSCĐ, điện nước, chi phí khác...

Kế toán hoạt động kinh doanh nhà hàng

* Đặc điểm cơ bản: sản xuất chế biến và tiêu dùng ngay, sản phẩm không dự trữ được lâu, chu kỳ sản xuất ngắn → không có sản phẩm dở dang cuối kỳ. Ngoài ra, nếu nhà hàng mua, bán một số mặt hàng thực phẩm có sẵn → là trường hợp kinh doanh thương mại thuần túy.

* TK 6212 – Chi phí nguyên vật liệu sử dụng cho nhà hàng, gồm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: NVL trực tiếp chế biến các món ăn, pha chế thức uống: thịt, cá, tôm, cua, rau, dầu mỡ, chanh, ớt, gia vị..., rượu, soda, trái cây pha chế thức uống...

NVL có thể xuất từ kho hoặc mua về đưa vào chế biến ngay.

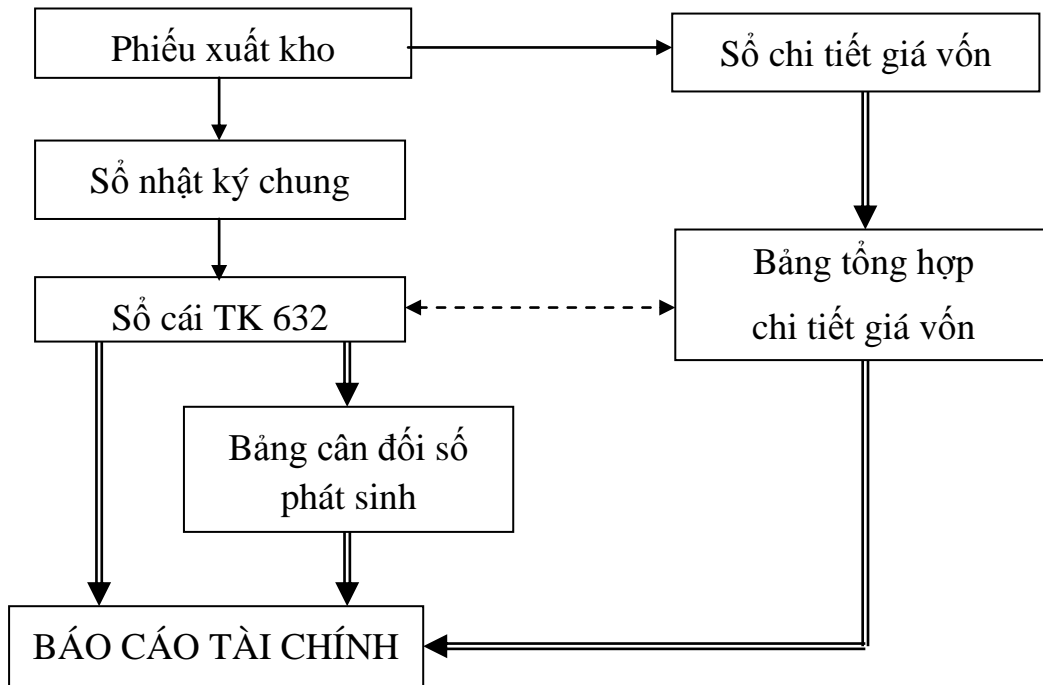
* TK 6272 – Chi phí sản xuất chung của nhà hàng, gồm:

- Chi phí nhân công trực tiếp: tiền lương phải trả của bộ phận nhân viên trực tiếp chế biến món ăn, thức uống như: đầu bếp, bartender...

- Chi phí sản xuất chung: Chi phí phục vụ gián tiếp cho quá trình chế biến món ăn, thức uống như: nhiên liệu để nấu, lương nhân viên phục vụ và quản lý sản xuất cơ

bản, dụng cụ đồ dùng, khấu hao TSCĐ bộ phận chế biến, điện nước sử dụng ở bộ phận chế biến...

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ← - - - - - → Kiểm tra, đối chiếu

* **Ví dụ:** Ngày 13/12/2011, xuất kho xà phòng giặt cho bộ phận giặt là.

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

Đơn vị: Cty CP Hoàng Long HP

Mẫu số 02 - VT

Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày..20...tháng..12...năm ...2011... Nợ621.....

Số:18/12.....

Có152.....

- Họ tên người nhận hàng: ...Bùi Hoàng Lan..... Địa chỉ (bộ phận)...Giặt là.....

- Lý do xuất kho:Xuất phục vụ khách sạn.....

- Xuất tại kho (ngăn lô):Địa điểm

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hoá	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Xà phòng giặt		Kg	9	9	34.667	312.003
	Cộng	x	x	x	x	x	312.003

Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm mười hai nghìn không trăm linh ba đồng chẵn.....

Số chứng từ kèm theo:.....

Ngày 20 tháng 12 năm 2011

Người lập (Ký, họ tên) Người nhận hàng (Ký, họ tên) Thủ kho (Ký, họ tên) **Kế toán trưởng** (Hoặc phụ trách bộ phận) (Ký, họ tên) Thủ trưởng đơn vị (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

* **Ví dụ:** Ngày 31/12/2011, kế toán tiền lương tính lương phải trả cho nhân viên trong công ty tháng 12.

Biểu số 2.12: Trích bảng lương tháng 12

KHÁCH SẠN CLASSIC HOÀNG LONG
BẢNG LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2011

STT	Họ và tên	Thứ việc	Chính thức	Ngày công QĐ	Ngày công TT	Lương tháng 100%	Lương thử việc 80%	Lương cơ bản	Phụ cấp	Phụ cấp TN	Phụ cấp ca đêm	Các khoản trừ khác	Thực lĩnh
	Lễ tân												
1	Lê Thanh Thủy	14/06/11	14/08/11	26	26	2,200,000		1,760,000	440,000			45,000	2,155,000
2	Nguyễn Thu Hà	14/06/10	14/06/10	26	26	2,700,000		2,160,000	540,000	800,000			3,500,000
3	Đoàn Thu Huyền	22/08/11	22/10/11	26	25.67	2,500,000		1,999,962	499,990			15,000	2,484,952
4	Nguyễn Lan Anh	01/06/10	01/08/10	26	23	2,300,000		1,816,646	454,162	197,462			2,468,270
5	Đỗ Tuấn Anh	28/06/10	28/08/10	26	25.13	2,200,000		1,556,923	389,231	265,385		15,000	2,196,539
6	Nguyễn Việt Anh	11/08/10	11/10/10	26	26	2,000,000		1,546,462	386,615			190,000	1,743,077
7	Tăng Tuấn Anh	25/04/11	25/06/11	26	26	2,000,000		1,600,000	400,000	200,000	150,000		2,350,000
8	Lê Thanh Sơn	11/07/11	11/09/11	26	23.75	2,000,000		1,461,538	365,385		160,000	30,000	1,956,923
	Cộng					17,900,000	-	13,901,531	3,475,383	1,462,847	310,000	295,000	18,854,761
	Buồng												
9	Nguyễn Thị Hiện	01/06/10	01/08/10	26	26	2,200,000		1,759,966	439,992				2,199,958
10	Nguyễn Hải Cẩm	16/07/10	16/09/10	26	26	2,000,000		1,600,000	400,000			60,000	1,940,000
11	Trần Thị Gái	25/11/10	25/01/11	26	26	2,000,000		1,600,000	400,000				2,000,000
12	Nguyễn Thúy Liễu	10/01/11	10/03/11	26	26	2,000,000		1,600,000	400,000				2,000,000
13	Phạm Thu Hương	01/06/10	01/08/10	26	25.88	2,000,000		1,592,308	398,077	298,558			2,288,943
14	Phạm Lan Hương	01/10/10	01/12/10	26	26	2,000,000		1,600,000	400,000				2,000,000
15	Lê Thị Loan	20/10/11	20/12/11	26	26	2,000,000		1,501,538	375,384				1,876,922
	Cộng					14,200,000	-	11,253,812	2,813,453	298,558	0	60,000	14,305,823
												

Biểu số 2.13: Trích Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....							
01/12	HĐ 01956 47	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			131 5111 3331	4.756.000	4.323.636 432.364
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
.....							
20/12	25XK	20/12	Xuất xà phòng giặt			6211 152	312.003	312.003
.....							
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả CNV tháng 12			6271 6272 6273 641 642 334	33.160.584 32.339.602 9.452.896 10.243.433 25.315.521	110.512.036
31/12	112, 113 PKT	31/12	K/c CP NVL TT, CP SXC T12			632 621 627	182.558.783	56.974.305 125.584.478
31/12	121 PKT	31/12	K/c DT bán hàng và CC dịch vụ			511 911	365.003.547	365.003.547
31/12	122 PKT	31/12	K/c Giá vốn hàng bán XĐ KQKD T12			911 632	182.558.783	182.558.783
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Giám đốc

Biểu số 2.14: Trích sổ cái TK 621

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: 621

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....							
10/12	HĐ	10/12	Xuất nền thơm theo HĐ1355810			331	1.741.518	
13/12	18 XK	13/12	Xuất kho xà phòng giặt			152	312.003	
20/12	25 XK	20/12	Xuất chả phục vụ chế biến món ăn			152	15.491.056	
.....							
31/12	112 PKT	31/12	K/c CP NVLTT T12			632		56.974.305
			- Cộng số phát sinh				883.691.660	883.691.660
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu)

Biểu số 2.15: Trích sổ cái TK 627

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất chung

Số hiệu: 627

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
.....							
29/12	KH TS	29/12	Khấu hao TSCĐ T12			214	31.426.444	
29/12	BPB	29/12	Phân bổ chi phí trả trước CCDC			142	13.311.521	
.....							
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả CNV tháng 12			334	65.500.186	
31/12	113 PKT	31/12	K/c CP SXC T12			632		135.037.374
.....							
			- Cộng số phát sinh				1.307.013.736	1.307.013.736
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Cuối tháng 12, kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh của từng dịch vụ như sau:

- TK 6321: 92.883.593đ

- TK 6322: 84.624.090đ

- TK 6323: 14.503.996đ

Sau đó, kết chuyển giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh tháng 12, số tiền là: 192.011.679đ

Biểu số 2.16: Trích sổ chi tiết giá vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: 6321 – Giá vốn khách sạn

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
....							
31/10	53 PKT	31/10	K/c CP NVL TT-Khách sạn T10	6211	25.589.592		25.589.592	
31/10	54 PKT	31/10	K/c CP SXC-Khách sạn T10	6271	78.253.589		103.843.181	
31/10	68 PKT	31/10	K/c G/vốn k/sạn XĐKQKD T10	911		103.843.181		
30/11	71 PKT	30/11	K/c CP NVL TT-Khách sạn T11	6211	20.148.255		20.148.255	
30/11	72 PKT	30/11	K/c CP SXC-Khách sạn T11	6271	75.258.258		95.406.513	
30/11	86 PKT	30/11	K/c G/vốn k/sạn XĐKQKD T11	911		95.406.513		
31/12	97 PKT	31/12	K/c CP NVL TT-Khách sạn T12	6211	19.991.435		19.991.435	
31/12	100 PKT	31/12	K/c CP SXC-Khách sạn T12	6271	72.892.158		92.883.593	
31/12	114 PKT	31/12	K/c G/vốn k/sạn XĐKQKD T12	911		92.883.593		
			Cộng số phát sinh		1.502.540.417	1.502.540.417		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
.....							
31/12	112 PKT	31/12	K/c CP NVLTT T12			621	56.974.305	
31/12	113 PKT	31/12	K/c CP SXC T12			627	125.584.478	
31/12	122 PKT	31/12	K/c Giá vốn XD KQKD T12			911		192.011.679
			- Cộng số phát sinh				2.190.705.396	2.190.705.396
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.2.2. Kế toán chi phí bán hàng

Tài khoản này sử dụng để phản ánh các chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hoạt động bán hàng gồm: chi phí quảng cáo, chi phí lương nhân viên marketing, chi phí điện thoại, văn phòng phẩm... phát sinh ở bộ phận bán hàng.

Cuối kỳ kế toán, toàn bộ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản chi phí bán hàng không có số dư cuối kỳ.

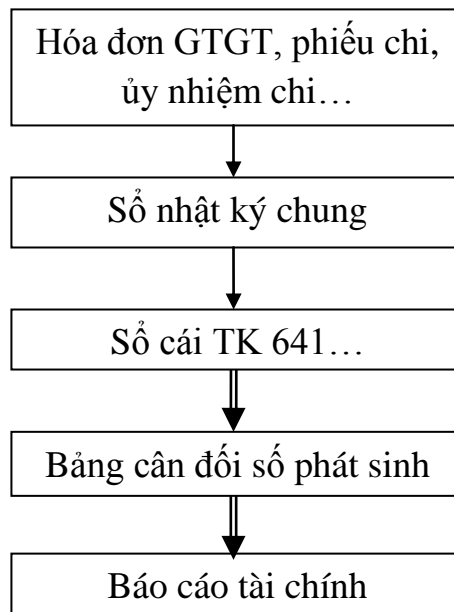
*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo Nợ
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn mua hàng ...

*** Tài khoản sử dụng:**

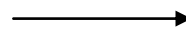
TK 641: Chi phí bán hàng

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



* **Ví dụ:** Ngày 13/12/2011, chi tiền mặt mua văn phòng phẩm cho bộ phận marketing, số tiền 465.850 đã bao gồm VAT 10%.

Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG																			
Liên 2: Giao khách hàng				Mẫu số: 01 GTKT3/001															
Ngày 13 tháng 12 năm 2011				Ký hiệu: AA/11P															
				Số: 2516254															
Đơn vị bán hàng: Nhà sách Tiền Phong.....																			
Mã số thuế:																			
Địa chỉ: Số 55 – Lạch Tray – Ngô Quyền – Hải Phòng.....																			
Số tài khoản:																			
Họ tên người mua hàng:																			
Tên đơn vị: Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.....																			
Mã số thuế: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">7</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">9</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td><td style="width: 20px;"> </td> </tr> </table>						0	2	0	0	3	7	1	9	2	5				
0	2	0	0	3	7	1	9	2	5										
Địa chỉ: Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng.....																			
Hình thức thanh toán: TM.....Số tài khoản:																			
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền														
A	B	C	1	2	3 = 1 x 2														
1	Bút bi Thiên Long	Chiếc	30	3.100	93.000														
2	Giấy A4	Ram	5	59.500	297.500														
3	Kẹp inox Deli 9521	Hộp	2	16.500	33.000														
Cộng tiền hàng					423.500														
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT					42.350														
Tổng cộng tiền thanh toán					465.850														
Số tiền viết bằng chữ: <i>Bốn trăm sáu năm ngàn tám trăm năm mươi đồng chẵn./.....</i>																			
Người mua hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Kí, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Kí, ghi rõ họ tên)															

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.19: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG				
Số 25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng		Mẫu số 01-TT QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC		
PHIẾU CHI		Quyển số: 01		
<i>Ngày 13 tháng 12 năm 2011</i>		Số: 15/12		
		Nợ: 641, 133		
		Có: 1111		
Họ tên người nhận tiền: Đỗ Văn An.....				
Địa chỉ: Phòng Marketing.....				
Lý do chi: Mua văn phòng phẩm.....				
Số tiền: 465.850.....				
Viết bằng chữ: Bốn trăm sáu năm ngàn tám trăm năm mươi đồng chẵn.....				
Kèm theo01..... Chứng từ kế toánHD 2516254.....				
<i>Ngày 13 tháng 12 năm 2011</i>				
Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập	Người nộp	Thủ quỹ
(Ký, họ tên đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):				
+ Số tiền quy đổi:				

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.20: Trích sổ Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT đồng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
...							
12/12	64PT	12/12	DT Phòng nghỉ theo HĐ 608			1111 5111 3331	5.656.000	5.141.819 514.181
13/12	65PT	13/12	DT Phòng nghỉ theo HĐ 609			111 5111 3331	805.035	731.850 73.185
13/12	15PC	13/12	Mua VPP phòng Marketing			641 133 1111	423.500 42.350	465.850
13/12	32BC	13/12	Cty TNHH BH NT Cathy trả nợ			1121 131	3.745.000	3.745.000
14/12	45NK	14/12	Nhập kho nước xả vải – Nguyễn Hữu Khanh			152 133 331	4.650.000 465.000	5.115.000
14/12	46NK	14/12	Nhập kho Dầu ăn các loại			152 133 331	4.345.455 434.545	4.780.000
14/12	66PT	14/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 610			1111 5111 3331	400.000	363.636 36.364
.....							
31/12	123 PKT	31/12	K/c CP bán hàng T12			911 641	53.805.875	53.805.875
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.21: Trích sổ cái TK 641

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Số hiệu: 641

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
							
13/12	15PC	13/12	Mua VPP phòng Marketing			1111	423.500	
....							
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả CNV tháng 12/2011			334	10.243.433	
....							
31/12	123 PKT	31/12	K/c CP bán hàng T12			911		53.805.875
....							
			- Cộng số phát sinh				645.670.500	645.670.500
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác

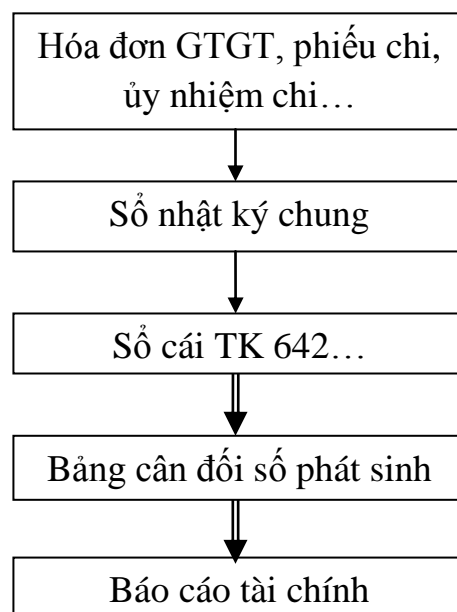
*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ
- Hóa đơn GTGT, Hóa đơn mua hàng ...

*** Tài khoản sử dụng**

Tài khoản 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

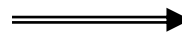
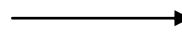
Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



* **Ví dụ:** Ngày 10/12/2011, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV–Chi nhánh Hải Phòng thông báo đã thu phí BSMS (*dịch vụ gửi nhận tin nhắn qua điện thoại di động*) tháng 11/2011 trên tài khoản của công ty và gửi “Sổ tài khoản khách hàng” cho công ty, số tiền 25.850 đồng.

Biểu số 2.22: Sổ tài khoản khách hàng



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Ban k for Investment and Development of Vietnam

CHI NHÁNH/ Branch: HẢI PHÒNG

Mẫu số/ Sample No : CT001/KH

Ngày in/ Prt. Date : 28/12/2011

Trang/ Page No : 1

SỔ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Khách hàng/ Customer name: CTY CP HOANG LONG HAI PHONG

Số tài khoản/ Account No. : 32110000377819 **Mã KH/CIF No :** 2175017 **Loại tiền tệ/Currency:** VND

Ngày hạch toán/Posting date : 10/12/2011

Ngày giao dịch trước/Last txn : 07/12/2011

Diễn giải <i>Txn Description</i>	Phát sinh Nợ <i>Debit amount</i>	Phát sinh Có <i>Credit amount</i>	Ng hiệu lực <i>Eff. Date</i>	GDV <i>Teller</i>	C.từ <i>Seq No</i>	Số séc <i>Check No</i>
Dư đầu ngày/ <i>Beginning balance</i>		102,808,532.00				
REM 32110000377819 105121116365513 Thu Phi BSMS Thang 11/2011	25,850.00		10/12/2011	99099999	93304	
Cộng phát sinh/ <i>Total amount</i>	25,850.00					
Dư cuối ngày/ <i>Ending balance</i>		102,782,682.00				

Trong đó

- Số dư khả dụng/Availble Amount: 102,782,682.00	- Nờr thu/Collection : 0.00
- Số dư phong tỏa/Hold amount : 0.00	- Số dư sổ cái/Ledger Balance : 102,782,682.00

Giao dịch viên/ Checked by

Kiểm soát viên/ Verified by

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.23: Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
							
01/12	4PC	01/12	Thanh toán tiền cấp TH T11 theo HĐ 391825			627 133 111	1.181.818 118.182	1.300.000
01/12	02PT	01/12	DT ăn uống theo HĐ 0195646			1111 5112 3331	1.460.000	1.327.273 132.727
01/12	HĐ	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			131 5111 3331	4.756.000	4.323.636 432.364
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
02/12	HĐ	02/12	DT ăn uống theo HĐ 0195649			131 5112 3331	1.000.000	909.091 90.909
.....							
10/12	9334 STK	10/12	Ngân Hàng thu phí BSMS tháng 11			642 1121	25.850	25.850
.....							
31/12	124 PKT	31/12	K/c CPQLDN T12			911 642	121.728.824	121.728.824
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.24: Trích sổ cái TK 642

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
							
01/12	3PC	01/12	Chi tiền phí điện thoại theo HĐ 3435165			1111	400.704	
08/12	5PC	08/12	Chi tiền phí điện thoại theo HĐ 2907285			1111	1.905.338	
10/12	9334 STK	10/12	Ngân Hàng thu phí BSMS tháng 11			1121	25.850	
....							
24/12	67PC	24/12	Chi tiền phí điện thoại theo HĐ 6262052			1111	346.293	
....							
31/12	96 KTK	31/12	Phí cà thẻ tháng 12 theo HĐ 164690B012551 11			1121	1.222.531	
31/12	124 PKT	31/12	K/c CP QLDN T12			911		121.728.824
.....							
			- Cộng số phát sinh				1.460.746.887	1.460.746.887
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.2.4. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

* Chứng từ sử dụng

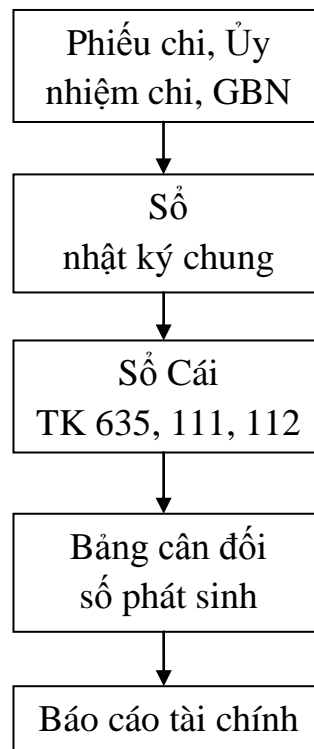
- Phiếu chi
- Ủy nhiệm chi
- Giấy báo Nợ...

* Tài khoản sử dụng

- TK 635: Chi phí tài chính

* Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí tài chính hoạt động tài chính



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \longrightarrow

* **Ví dụ:** Ngày 30/12/2011, ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam BIDV-Chi nhánh Hải Phòng thông báo thu lãi tiền vay 78.779.463 đồng qua tài khoản tiền gửi của công ty.

Biểu số 2.25: Giấy đề nghị thu nợ

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ
PHÁT TRIỂN HẢI PHÒNG

PHÒNG QTKD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ THU NỢ

Kính gửi: Phòng dịch vụ khách hàng

Đề nghị GDV thu nợ hợp đồng sau:

Khách hàng: Công ty CP Hoàng Long HP

CIF: 2175017

Chi tiết trả gốc lãi vay như sau:

Đơn vị: VND

TK tiền vay	Số tiền thu nợ gốc	Số tiền thu lãi	Tổng số tiền thu nợ	Ghi chú
32182000087366	-	78,779,463	78,779,463	32110000377819
Tổng VND	-	78,779,463	78,779,463	

Hải Phòng, ngày 30 tháng 12 năm 2011

Cán bộ QTTD

Lãnh đạo phòng QTTD


Ngày nhận: ngày 30 tháng 12 năm 2011

NGƯỜI NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.26: Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng

 MST:0100150619004	PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG TRANSFER NOTE	0038 Số/Seq No:..... Ngày/Date:.....
<p>Hạch toán theo loại chứng từ/ Transfer by</p> <p> <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm chi/ Payment Order <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm thu/ Collection Order <input type="checkbox"/> Thu nợ vay/ Loan Payment <input type="checkbox"/> Hóa đơn bảo hiểm/ Receipt <input type="checkbox"/> Loại khác/ Other: </p>		
<p>321 HANGNTT20 HOAPTT20 321-10-00-037781-9 VND CTY CP HOANG LONG HAI PHONG</p> <p>30/12/2011 14:57:04 4101 4121 TRF 321-82-00-008736-6 VND CTY CP HOANG LONG HAI PHONG</p> <p>DR 78,779,463.00 VND 1.000000 CR 78,779,463.00 VND 1.000000</p> <p>Phi: 0.00 VND VAT: 0.00 VND 1.000000 MST: 0200371925</p> <p>T.Toan Phi: 0.00 VND 1.000000</p> <p>THU NO</p> <p>So tien goc: 0.00 Lai: 78,779,463.00 Lai tra cham: 0.00</p>		
Giao dịch viên/ Received by		Kiểm soát/ Verified by

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.27: Sổ tài khoản khách hàng



NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Bank for Investment and Development of Vietnam

CHI NHÁNH/ Branch: HẢI PHÒNG

Mẫu số/ *Sample No* : CT001/KH

Ngày in/ *Prt. Date* : 31/12/2011

Trang/ *Page No* : 1

SỔ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG/ACCOUNT STATEMENT

Khách hàng/ Customer name: CTY CP HOANG LONG HAI PHONG

Số tài khoản/ Account No. : 32110000377819 **Mã KH/CIF No** : 2175017 **Loại tiền tệ/Currency:**
VND

Ngày hạch toán/Posting date: 30/12/2011

Ngày giao dịch trước/Last txn : 28/12/2011

Diễn giải <i>Txn Description</i>	Phát sinh Nợ <i>Debit amount</i>	Phát sinh Có <i>Credit amount</i>	Ng hiệu lực <i>Eff. Date</i>	GDV <i>Teller</i>	C.từ <i>Seq No</i>	Số séc <i>Chec k No</i>
Dư đầu ngày/ <i>Beginning balance</i>		232,078,577.00				
REM THU NO	78,779,463.00		30/12/2011	32120065	38	
Cộng phát sinh/ <i>Total amount</i>	78,779,463.00					
Dư cuối ngày/ <i>Ending balance</i>		153,299,114.00				

Trong đó

- Số dư khả dụng/Availble Amount: 153,299,114.00	- Nờr thu/Collection : 0.00
- Số dư phong tỏa/Hold amount : 0.00	- Số dư sổ cái/Ledger Balance : 153,299,114.00

Giao dịch viên/ Checked by

Kiểm soát viên/ Verified by

(*Nguồn: Phòng kế toán công ty*)

Biểu số 2.28 : Trích sổ nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số: S03a-DN

25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
							
01/12	4PC	01/12	Thanh toán tiền cấp TH T11 theo HĐ 391825			627 133 111	1.181.818 118.182	1.300.000
01/12	02PT	01/12	DT ăn uống theo HĐ 0195646			1111 5112 3331	1.460.000	1.327.273 132.727
01/12	HĐ	01/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195647			131 5111 3331	4.756.000	4.323.636 432.364
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
02/12	HĐ	02/12	DT ăn uống theo HĐ 0195649			131 5112 3331	1.000.000	909.091 90.909
03/12	4NK	03/12	Nhập kho máy quét			153 133 331	2.590.909 259.091	2.850.000
.....							
30/12	38 PHT	30/12	NH thu lãi tiền vay			635 1121	78.779.463	78.779.463
.....							
31/12	126 PKT	31/12	K/c CP TC T12			911 635	78.779.463	78.779.463
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.29: Trích sổ cái TK 635

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Chi phí hoạt động tài chính

Số hiệu: 635

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
...							
30/09	11 PHT	30/09	NH thu lãi tiền vay			1121	333.050.674	
30/09	PKT	30/09	K/c CPTC T9			911		333.050.674
31/10	15 PHT	31/10	NH thu lãi tiền vay			1121	130.000.000	
31/10	PKT	31/10	K/c CPTC T10			911		130.000.000
21/11	19 PHT	21/11	NH thu lãi tiền vay			1121	158.046.880	
30/11	PKT	30/11	K/c CPTC T11			911		158.046.880
30/12	38 PHK	30/12	NH thu lãi tiền vay			1121	78.779.463	
31/12	126 PKT	31/12	K/c CPTC T12			911		78.779.463
.....							
			- Cộng số phát sinh				1.896.562.565	1.896.562.565
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.2.2.5. Kế toán chi phí khác

Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là các khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ, thanh lý, nhượng bán TSCĐ... và khoản chi này chỉ là khoản chi nhỏ trong công ty.

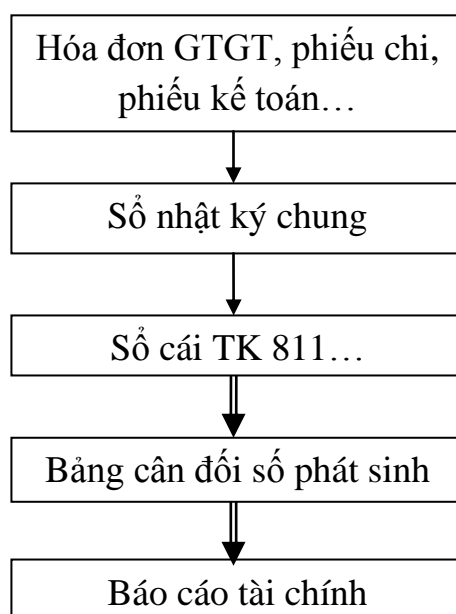
* Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi...

* Tài khoản sử dụng

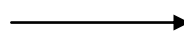
- TK 811: Chi phí khác.

***Sơ đồ 2.11:** Quy trình hạch toán chi phí khác*

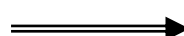


Ghi chú:

Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng hoặc định kỳ



Tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng năm 2011 không phát sinh khoản chi phí khác.

2.2.2.6. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

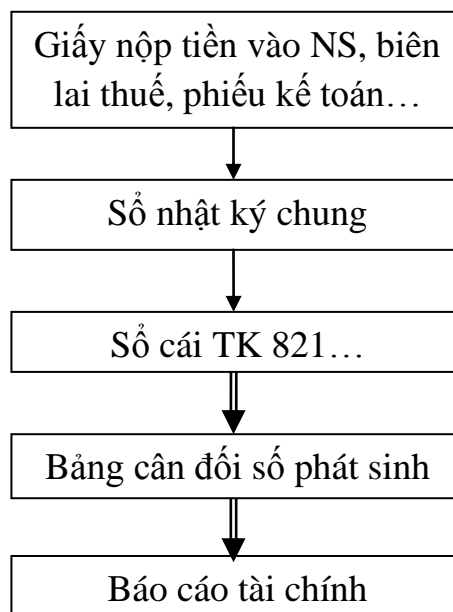
* Chứng từ sử dụng

- Hồ sơ quyết toán thuế;
- Các chứng từ nộp thuế: Giấy nộp tiền vào ngân sách; Biên lai thuế...

* Tài khoản sử dụng

- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Sơ đồ 2.12: Quy trình hạch toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng hoặc định kỳ \Longrightarrow

Tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng năm 2011 không phát sinh khoản chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

2.2.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

*** Phương pháp hạch toán như sau:**

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau:

Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421. Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25% .
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Ví dụ: Cuối tháng 12, kế toán công ty thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Kế toán ghi các bút toán kết chuyển trên phiếu kế toán, vào nhật ký chung rồi vào sổ cái các tài khoản liên quan.

Biểu số 2.30:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 121

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển DT bán hàng và cung cấp dịch vụ T12	511	365.003.547	
	911		365.003.547
Cộng		365.003.547	365.003.547

Biểu số 2.31:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 122

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển Giá vốn hàng bán T12	911	192.011.679	
	632		192.011.679
Cộng		192.011.679	192.011.679

Biểu số 2.32:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 123

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển Chi phí bán hàng T12	911	53.805.875	
	641		53.805.875
Cộng		53.805.875	53.805.875

Biểu số 2.33:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 124

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển Chi phí QLDN T12	911	121.728.824	
	642		121.728.824
Cộng		121.728.824	121.728.824

Biểu số 2.34:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 125

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển Doanh thu tài chính T12	515	281.455	
	911		281.455
Cộng		281.455	281.455

Biểu số 2.35:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 126

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển Chi phí tài chính T12	911	158.046.880	
	635		158.046.880
Cộng		158.046.880	158.046.880

Biểu số 2.36:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Số: 127

Nội dung	Tài khoản	PS Nợ	PS Có
Kết chuyển lỗ T12	421	157.163.277	
	911		157.163.277
Cộng		157.163.277	157.163.277

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.37: Trích sổ cái TK 911

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
.....							
31/12	121 PKT	31/12	K/c DT bán hàng và cung cấp DV T12			511		365.003.547
31/12	122 PKT	31/12	K/c Giá vốn hàng bán T12			632	192.011.679	
31/12	123 PKT	31/12	K/c CP bán hàng			641	53.805.875	
31/12	124 PKT	31/12	K/c CP QLDN T12			642	121.728.824	
31/12	125 PKT	31/12	K/c DT TC T12			515		281.455
31/12	126 PKT	31/12	K/c CP TC T12			635	158.046.880	
31/12	127 PKT	31/12	K/c lỗ T12			421		157.163.277
			- Cộng số phát sinh				5.803.866.441	5.803.866.441
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 2.38: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2011

Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

Số 25B – Trần Quang Khải – Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng – Hải Phòng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và CCDV	01		4.308.281.517	2.965.577.545
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10		4.308.281.517	2.965.577.545
4. Giá vốn hàng bán	11		2.190.705.396	2.094.732.966
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 02)	20		2.117.576.121	870.844.579
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.426.434	904.214
7. Chi phí lãi vay	22		1.896.562.565	1.324.559.771
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.896.562.565	1.324.559.771
8. Chi phí bán hàng	24		863.552.364	759.582.965
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.460.746.887	915.581.862
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21 – 22)–(24 +25)}	30		(2.099.859.261)	(2.127.975.805)
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.099.859.261)	(2.127.975.805)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51 – 52)	60		(2.099.859.261)	(2.127.975.805)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70			

Người lập biểu

(Ký, học tên)

Kế toán trưởng

(Ký, học tên)

Giám đốc

(Ký, học tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

2.3. Những nhận xét chung về công tác kế toán tại công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng

2.3.1. Ưu điểm

** Về bộ máy kế toán*

Bộ máy kế toán tại công ty được tổ chức theo hình thức kế toán tập trung được tổ chức khoa học, hợp lý, chuyên môn hóa, đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất và trực tiếp của kế toán trưởng, đồng thời cũng phù hợp việc tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như trình độ quản lý của doanh nghiệp tạo điều kiện thuận lợi để vận dụng các phương tiện kỹ thuật tính toán hiện đại, đảm bảo được việc cung cấp thông tin kế toán kịp thời cho việc quản lý và chỉ đạo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

** Về tổ chức công tác hạch toán kế toán:*

Công ty luôn chấp hành đầy đủ các chính sách và chế độ tài chính kế toán của Nhà nước, tổ chức mở các sổ kế toán hợp lý. Tại phòng kế toán của công ty khi phát sinh nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì các chứng từ đều được lập đầy đủ, được theo dõi thường xuyên và chặt chẽ. Chứng từ được lập đều có đầy đủ chữ ký của người có liên quan, sử dụng đúng mẫu của Bộ tài chính.

** Về hình thức kế toán:*

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ là Nhật ký chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ thu nhận xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và qui mô của công ty giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp kịp thời.

** Về trình tự hạch toán:*

Các chứng từ cho hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, đúng với mẫu do BTC quy định. Những thông tin về nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép một cách đầy đủ, chính xác vào

chính từ. Các chứng từ đều có chữ ký xác nhận của các bên liên quan, tạo điều kiện cho việc kiểm tra, đối chiếu giữa số liệu thực tế phát sinh với số liệu trên sổ kế toán.

Chứng từ sau khi sử dụng cho việc hạch toán đều được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ phận, từng khoản mục, trình tự thời gian, tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

** Về việc sử dụng và luân chuyển chứng từ*

Việc sử dụng và luân chuyển chứng từ tại công ty là hợp lý, gọn nhẹ đồng thời vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý của nghiệp vụ. Công ty sử dụng các sổ sách kế toán và ghi chép số liệu một cách trung thực đầy đủ rõ ràng, dễ hiểu đảm bảo tính thống nhất về phạm vi, phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận khác có liên quan.

** Về công tác kế toán doanh thu*

Công tác hạch toán doanh thu tại công ty luôn đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời và chính xác cho nhà quản trị. Việc hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước tiến hành hạch toán kết quả kinh doanh, đánh giá cụ thể hiệu quả loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.

** Về công tác kế toán chi phí*

Chi phí kinh doanh là một vấn đề được các doanh nghiệp quan tâm hàng đầu và luôn luôn tìm mọi cách để quản lý một cách chặt chẽ nhằm tránh tình trạng chi khổng mà ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Chính vì vậy mà mọi chi phí phát sinh được theo dõi theo từng khoản mục để kiểm soát một cách chặt chẽ.

** Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh*

Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh đã đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc trong việc cung cấp các thông tin về tình hình kinh doanh của toàn công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép và phản ánh được tiến hành

dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và dựa vào tình hình thực tế của công ty.

2.3.2. Tồn tại

** Về việc sử dụng phần mềm kế toán*

Hiện nay công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế trên nhưng mới chỉ dừng lại xây dựng một số hàm số học trên chương trình Excel, Word. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán công ty phải đảm nhiệm một khối lượng lớn công việc. Ngày nay, khoa học công nghệ phát triển, hầu hết các doanh nghiệp đang phấn đấu công nghiệp hoá hiện đại hoá mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, áp dụng công nghệ máy tính vào tổ chức quản lý nhằm đem lại hiệu quả cao nhất.

Do vậy công ty có sử dụng máy tính nhưng không tận dụng được hết sẽ gây lãng phí, giảm hiệu quả của việc áp dụng máy tính vào công tác kế toán.

** Về nhân sự phòng kế toán*

Phòng kế toán hiện nay có 5 người đảm nhận khối lượng công việc quá lớn trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Do vậy, không tránh khỏi xảy ra sai sót, nhầm lẫn dẫn đến chưa đi sâu, đi sát vào quản lý chặt chẽ doanh thu cũng như chi phí của công ty. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về chi phí và kết quả kinh doanh.

** Về sổ sách kế toán*

Doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung nhưng thực tế kế toán công ty lại không sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN) cho các tài khoản chi phí. Đây là một thiếu sót cần khắc phục ngay vì sổ chi phí sản xuất kinh

doanh là sổ tổng hợp được ghi chép theo từng loại chi phí phát sinh tương ứng với các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Nó có tác dụng:

- Quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh, kiểm tra đối chiếu số liệu với Sổ cái tương ứng của từng tài khoản.
- Theo dõi chi tiết khoản mục chi phí theo từng hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

** Về hạch toán các khoản trích theo lương cho người lao động*

Công ty không có chế độ Bảo hiểm cho người lao động, vì vậy làm hạn chế khả năng gắn kết lâu dài của người lao động với công ty, đồng thời ảnh hưởng tới quyền lợi của người lao động trong doanh nghiệp.

** Về công tác hạch toán giá vốn*

- Trong phần hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán tại công ty hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung hạch toán vào TK 627 – Chi phí sản xuất chung để tập hợp chi phí tính giá vốn hàng bán. Việc sử dụng TK 627 để hạch toán cả chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung là không đúng theo Quyết định 15/2006 ban hành 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời gây ra sự phức tạp khi hạch toán 2 loại chi phí khác nhau chung 1 TK.

- Doanh nghiệp nên dùng TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp để hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương của công nhân viên trong công ty. Cuối tháng, kế toán kết chuyển chi phí phát sinh ở TK 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, 622 – Chi phí nhân công trực tiếp, 627 – Chi phí sản xuất chung sang TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Sau đó, kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 – Giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh.

CHƯƠNG III: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

3.1. Định hướng phát triển của công ty

Với định hướng phát triển ngành du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, Hải Phòng tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lưu trú-ăn uống. Gắn với việc ra đời của hàng loạt các khách sạn cao cấp với quy mô lớn, có cơ sở vật chất, đội ngũ lao động ngày càng được nâng cao và hoàn thiện đã tạo ra thách thức không nhỏ đối với công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng. Do đó, để chiếm được lợi thế trong kinh doanh và thu hút được khách hàng, khách sạn đã đưa ra các chính sách, phương hướng phát triển khác nhau:

- Đầu tư mạnh hơn cho các dịch vụ bổ sung và dịch vụ giải trí. Đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ, mở rộng và nâng cao chất lượng các dịch vụ ăn uống, lưu trú hình thành hệ thống kinh doanh hoàn chỉnh, tạo đà cho doanh nghiệp phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

- Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật của khách sạn, tăng cường nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng hơn nữa để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay.

- Chỉ đạo thường xuyên, chặt chẽ, có các biện pháp về giá, khuyến mại, tiếp thị và quảng cáo.

- Nâng cao chất lượng phục vụ thông qua đào tạo, huấn luyện bồi dưỡng cho nhân viên về nghiệp vụ.

Những phương hướng mà công ty đề ra nhằm mục đích định hướng cho khách sạn Classic Hoàng Long hoạt động tốt trong tương lai.

3.2. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó, kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Từ đó, kế toán góp phần cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

3.2.2. Mục đích và yêu cầu của việc hoàn thiện

* Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu, giảm chi phí và đạt lợi nhuận cao.

* Việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần phải đảm bảo những yêu cầu sau:

- Thứ nhất, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tổ chức, tôn trọng chế độ kế toán. Kế toán là một công cụ quản lý tài chính quan trọng của Nhà nước, do đó tuân thủ đúng chế độ sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp và các cơ quan quản lý. Do chế độ kế toán chỉ dừng lại ở kế toán tổng hợp nên việc vận dụng linh hoạt vào mỗi doanh nghiệp là hết sức cần thiết nhưng phải trong khuôn khổ cơ chế tài chính và tôn trọng chế độ kế toán.

- Thứ hai, hoàn thiện trên cơ sở đảm bảo công tác kế toán phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp.

- Thứ ba, hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc kế toán nhưng vẫn đảm bảo tính khoa học, đảm bảo hiệu quả của công tác nói chung.

3.2.3. Nguyên tắc cơ bản của việc hoàn thiện

Để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc cơ bản, sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

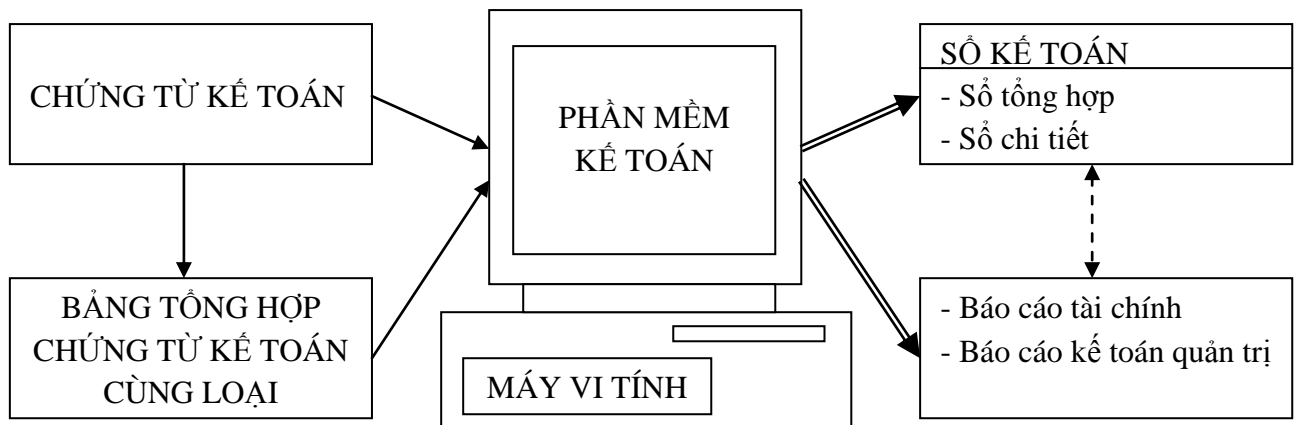
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.4. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

3.2.4.1. Về sử dụng phần mềm kế toán

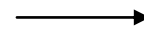
Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô hoạt động của doanh nghiệp càng mở rộng hơn, tính chất hoạt động ngày càng cao, làm cho nhu cầu thu nhận, xử lý, cung cấp thông tin ngày càng khó khăn, phức tạp. Vì vậy việc ứng dụng tin học trong công tác kế toán có ý nghĩa rất lớn. Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức

kế toán Nhật ký chung. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán máy là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán phải được thiết kế theo nguyên tắc ghi sổ của hình thức “Nhật ký chung”. Đồng thời, khi sử dụng phần mềm kế toán vừa giúp cho kế toán giảm đáng kể khối lượng công việc vừa giải quyết được vấn đề thiếu nhân lực tại phòng kế toán.

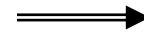


Ghi chú:

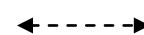
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu kiểm tra



Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp (Sổ cái,) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy.

Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sau đây là một số phần mềm kế toán máy, công ty có thể tham khảo và áp dụng:

*** Phần mềm ACMAN:**

1. Giao diện đơn giản, thân thiện:

- ACMan được thiết kế đơn giản với một màn hình cập nhật số liệu, giúp người sử dụng dễ dàng cập nhật số liệu và có thể tự tìm hiểu các tính năng của chương trình một cách nhanh nhất.

2. Tính mở của hệ thống:

ACMan cho phép người sử dụng có nhiều lựa chọn khi sử dụng, giúp kế toán tổ chức tốt công tác quản lý tài chính kế toán trên phần mềm:

- Có thể thêm hoặc xóa các tài khoản kế toán một cách linh hoạt.
- Danh mục hàng hóa, khách hàng... được mã hóa theo nhiều cấp độ phù hợp với nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Hệ thống báo cáo tài chính linh hoạt, có thể chỉnh sửa khi chế độ kế toán thay đổi. Người sử dụng có thể lập các báo cáo nhanh, phù hợp với nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.
- Toàn bộ hệ thống báo cáo của chương trình trực tiếp được chuyển ra excel.

3. Hỗ trợ kiến thức:

- Sử dụng chương trình ACMan thường xuyên, kiến thức tài chính của bạn sẽ được nâng cao.

4. Độ chính xác và bảo mật cao:

- Dữ liệu được xử lý nhanh và chính xác
- Hệ thống phân quyền sử dụng cho từng người, bộ phận;
- Hệ thống ghi lại các thông tin làm việc.

5. Thích nghi cao:

ACMan phù hợp với tất cả các loại hình doanh nghiệp. Có thể làm cho nhiều công ty khác nhau trên cùng 1 License và có thể thay đổi các báo cáo theo ý người sử dụng.

6. Công cụ hỗ trợ:

- Sao lưu dữ liệu tự động;

- Công cụ lọc với các tính năng nổi trội và linh hoạt;
- Tìm kiếm dữ liệu một cách nhanh và chính xác nhất;
- Các công cụ cảnh báo tình trạng kho hàng và cảnh báo công nợ khách hàng;
- Hệ thống chuyển kho tự động, giúp giảm thiểu công việc của kế toán;
- Đặc biệt Phần mềm ACMAN đã tích hợp với phần mềm hỗ trợ kê khai thuế của Cục thuế.

*** Phần mềm kế toán MetaData Accounting:**

Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình DN. Với tiêu chí “Đơn giản hoá, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của DN. Meta được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán - quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

1. Tính năng hữu dụng

MetaData Accounting không những đáp ứng yêu cầu cơ bản về Quản lý Tài chính Kế toán của doanh nghiệp mà nó còn cung cấp cho Nhà Quản trị các Giải pháp Quản lý Toàn diện. Nghiệp vụ kinh tế phát sinh được cập nhật một lần tại các bộ phận kế toán khác nhau như bộ phận quản lý kho, bộ phận bán hàng, bộ phận kế toán... và được MetaData Accounting xử lý một cách xuyên suốt, tổng hợp số liệu thành các báo cáo đầu ra.

* Thỏa mãn Tiêu chuẩn Phần mềm Kế toán theo thông tư Số 103/2005/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán.

* Luôn cập nhật kịp thời các thay đổi mới nhất về chế độ kế toán và báo cáo thuế.

2. Tính năng mạnh mẽ

- Quy trình xử lý dữ liệu trong MetaData Accounting hoàn toàn tự động, như tính giá xuất hàng hóa, kết chuyển số dư tài khoản cuối kỳ... đều được ứng dụng xử lý tức thời và là một chu trình xử lý khép kín, phản ứng theo dây chuyền. Người sử dụng không phải thao tác để tính hay tính lại giá xuất hàng hóa và kết chuyển số dư sau khi sửa chữa, thêm mới hoặc xóa chứng từ.
- Báo cáo nhanh tự động hiển thị: Tự động hiển thị báo cáo của một số đối tượng như: Số dư công nợ, hàng tồn kho, quỹ tiền mặt, số dư tài khoản ngân hàng, ... theo ngữ cảnh của người dùng khi đang cập nhật chứng từ liên quan đến đối tượng chi tiết.

- Tổ chức danh mục theo mô hình cây phân cấp (không giới hạn các cấp), tạo sự thuận tiện trong việc quản lý, phân tích và thống kê. Dễ dàng sửa chữa thay đổi các Mã, gộp các Mã khi trùng nhau.
- Mỗi loại hàng hóa được quản lý theo nhiều đơn vị tính khác nhau (Tấn→Tạ→Kg) tạo sự thuận tiện khi nhập xuất hàng hóa theo một đơn vị tính nào đó.
- Theo dõi và phân bổ công nợ chi tiết đến từng khoản phải thu, phải trả theo thời hạn thanh toán đồng thời tự động lên các báo cáo công nợ đến hạn hoặc quá hạn.
- Chức năng theo dõi, tổng hợp và phân bổ chi phí trả trước.
- Tự động cập nhật vào thẻ TSCĐ thông qua các phát sinh mua sắm, sửa chữa hay thanh lý TSCĐ.
- Các phân hành kế toán và modul chương trình được tích hợp một cách chặt chẽ, phát sinh trên tất cả các đối tượng kế toán được xử lý một cách xuyên suốt và thống nhất.
- Nền tảng vững chắc, sẵn sàng tích hợp thêm modul theo những yêu cầu đặc thù của Doanh nghiệp...

*** Phần mềm kế toán ASC:**

Do phân viện Công nghệ thông tin TP.HCM thực hiện từ cuối năm 1985. Phần mềm này đã được sử dụng bởi hàng trăm công ty, đơn vị. Trong đó có các công ty thuộc các loại hình hành chính sự nghiệp, sản xuất, dịch vụ, xây dựng từ quy mô nhỏ cho đến rất lớn.

1. Mức độ tiện dụng

- Phần mềm ASC sử dụng phương pháp kế toán Nhật ký chung - phương pháp thích hợp nhất cho kế toán có sử dụng máy vi tính. Đây là phần mềm tiện dụng, có nhiều module và các thẻ chức năng, trợ giúp nhanh và tiện lợi cho việc lưu dữ liệu, sổ sách cũng như truy nhập và truy xuất một cách dễ dàng.

- Các bộ mã được tổ chức đơn giản, linh hoạt; theo dõi ngoại tệ ở nhiều loại tiền khác nhau trên công nợ và các tài khoản tiền, khoản vay, cho vay được tổ chức đơn giản và hữu hiệu; các chức năng cho phép người sử dụng xử lý, phân tích số liệu nhanh chóng, chính xác; tự động hóa tối đa thao tác nhập số liệu; tình trạng tồn kho và công nợ có ngay tức thời trong khi đang nhập số liệu.

- Nhiều bút toán được tạo tự động, giúp giảm thiểu tối đa công việc; rất nhiều mẫu báo cáo và chọn được nhiều thông số của báo cáo trước khi in. Đồng thời, có đưa ra các báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo Lưu chuyển tiền tệ...

2. Tính năng quản lý

Các module quản lý gồm:

- Quản lý kế toán tổng hợp và chi tiết thông qua việc theo dõi số liệu phát sinh của tất cả các tài khoản tổng hợp và chi tiết;
- Quản lý công nợ;
- Quản lý tồn kho;
- Quản lý bán hàng...

Ngoài ra còn có các tính năng như: Cho phép phân cấp tài khoản linh hoạt, nhiều cấp, mỗi cấp có chiều dài tùy chọn.

3.2.4.2. Về sổ sách kế toán

Doanh nghiệp nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Mẫu số S36-DN) cho các tài khoản chi phí: TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 632, 641, 642, 142, 242, 335 nhằm giúp nhà quản lý kịp thời nắm bắt được chi phí phát sinh của từng hoạt động kinh doanh cũng từ đó đề ra biện pháp tiết giảm chi phí.

Biểu số 3.1: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số: S36-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm: 2011

Tài khoản: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi Nợ tài khoản			
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng tiền	Chia ra		
						6321	6322	6323
A	B	C	D	E	1	2	3	4
							
31/12	112 PKT	31/12	K/c CP NVL TT T12	154	56.974.305	19.991.435	35.382.131	1.600.739
31/12	113 PKT	31/12	K/c CP NC TT T12	154	74.953.082	33.160.584	32.339.602	9.452.896
31/12	114 PKT	31/12	K/c CP SXC T12	154	60.084.292	39.731.574	16.902.357	3.450.361
			Cộng số phát sinh trong kỳ		2.190.705.396	1.502.540.417	620.172.327	67.992.652
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.2.4.3. Về hạch toán các khoản trích theo lương cho người lao động

Để tạo sự gắn bó lâu dài giữa người lao động với doanh nghiệp, công ty nên áp dụng chế độ bảo hiểm cho người lao động. Hàng tháng tiến hành trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định:

Biểu số 3.2: Tỷ lệ các khoản trích theo lương áp dụng giai đoạn từ 2010 đến 2011

Các khoản trích theo lương	DN (%)	NLD (%)	Cộng (%)
1. BHXH	16	6	22
2. BHYT	3	1,5	4,5
3. BHTN	1	1	2
4. KPCĐ	2	-	2
Cộng (%)	22	8,5	30,5

(Nguồn: Tổng hợp từ các văn bản pháp lý liên quan BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ)

Ví dụ: Theo bảng lương tháng 12, tiền lương của lễ tân Nguyễn Thu Hà gồm các khoản sau:

- Lương cơ bản: 2.160.000^d.
- Phụ cấp: 540.000^d.
- Phụ cấp trách nhiệm: 800.000^d.

→ Khi công ty chưa tiến hành trích các khoản trích theo lương, lương thực lĩnh của lễ tân Nguyễn Thu Hà là: 3.500.000đ.

Theo bảng tháng 12, ta có:

* Trích BHXH = Lương cơ bản của người lao động x 6%

$$= 2.160.000 \times 6\% = 129.600^d$$

* Trích BHYT = Lương cơ bản của người lao động x 1,5%

$$= 2.160.000 \times 1,5\% = 32.400^d$$

* Trích BHTN = Lương cơ bản của người lao động x 1%

$$= 2.160.000 \times 1\% = 21.600^d$$

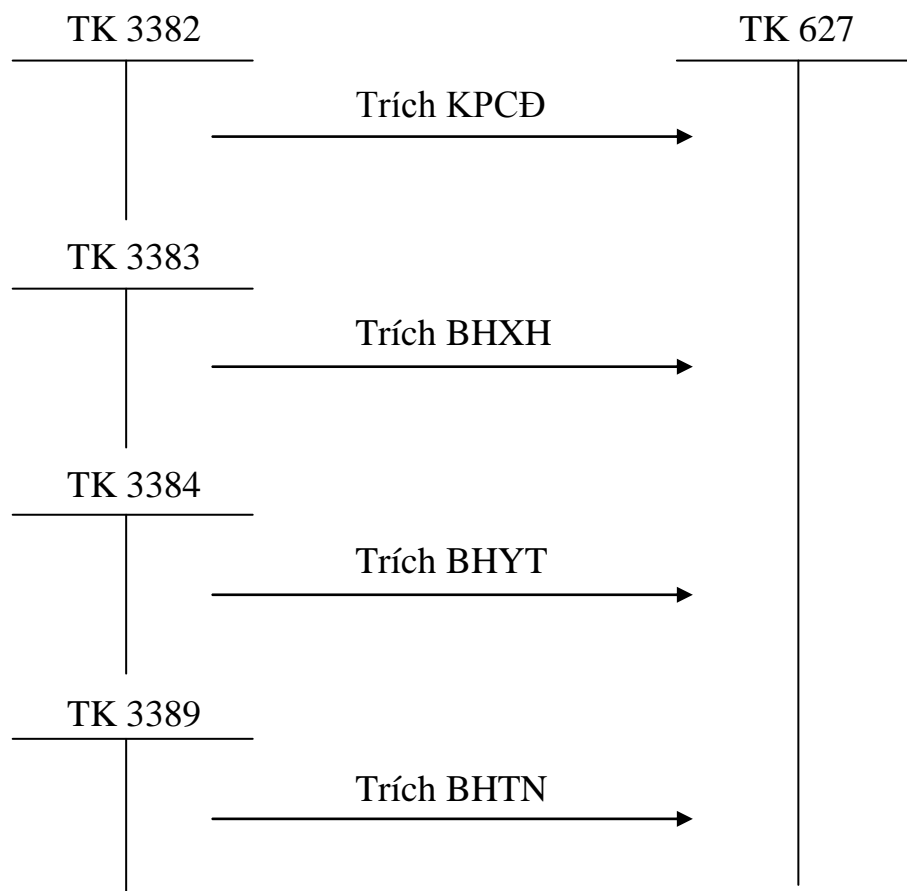
* Khi công ty tiến hành trích lập các quỹ BH theo quy định:

Thực lĩnh = Lương thực tế tháng - BHXH – BHYT – BHTN

$$= 3.500.000 - 129.600 - 32.400 - 21.600 = 3.316.400^d$$

Cuối tháng kê toán căn cứ vào bảng thanh toán lương của nhân viên trong Công ty. Thực hiện bút toán theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 3.1 Sơ đồ hạch toán các khoản trích theo lương



Khi Công ty thực hiện việc trích các khoản theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ). Đối với người lao động sẽ được hưởng các khoản trợ cấp BHXH, BHYT, BHTN khi bị ốm đau, tai nạn lao động hay rủi ro thất nghiệp... góp phần khuyến khích người lao động hăng say làm việc, tạo niềm tin, gắn bó người lao động với công ty. Đối với Công ty, các khoản trích theo lương tính vào chi phí sẽ làm cho giá thành sản phẩm phản ánh đúng, đủ các yếu tố chi phí, đồng thời thể hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của chủ doanh nghiệp đối với người lao động.

3.2.4.4. Về việc hạch toán giá vốn

Trong hoạt động kinh doanh khách sạn, nhà hàng, TK 621, 622, 627 được mở chi tiết theo từng loại dịch vụ như:

- Dịch vụ khách sạn: thuê phòng, giặt là, karaoke, massage...
- Dịch vụ nhà hàng: ăn uống, tiệc cưới, bar...
- Dịch vụ khác: hội thảo, hội nghị, điện thoại, điện tín...

* TK621 được mở chi tiết như sau:

- TK 6211: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ khách sạn.
- TK 6212: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ nhà hàng.
- TK 6213: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp dịch vụ khác.

Tương tự, TK 622 và TK 627 cũng được mở chi tiết như vậy.

Trong đó, TK 622 được sử dụng để hạch toán lương và các khoản trích cho tất cả nhân viên trong công ty trừ bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Riêng TK 6271, 6272, 6273 được chi tiết theo từng khoản mục chi phí, như sau:

* TK 6271 – Chi phí sản xuất chung khách sạn, gồm:

- TK 62711: Chi phí nguyên vật liệu.
- TK 62712: Chi phí công cụ dụng cụ.
- TK 62713: Chi phí khấu hao TSCĐ.
- TK 62718: Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- TK 62719: Chi phí bằng tiền khác.

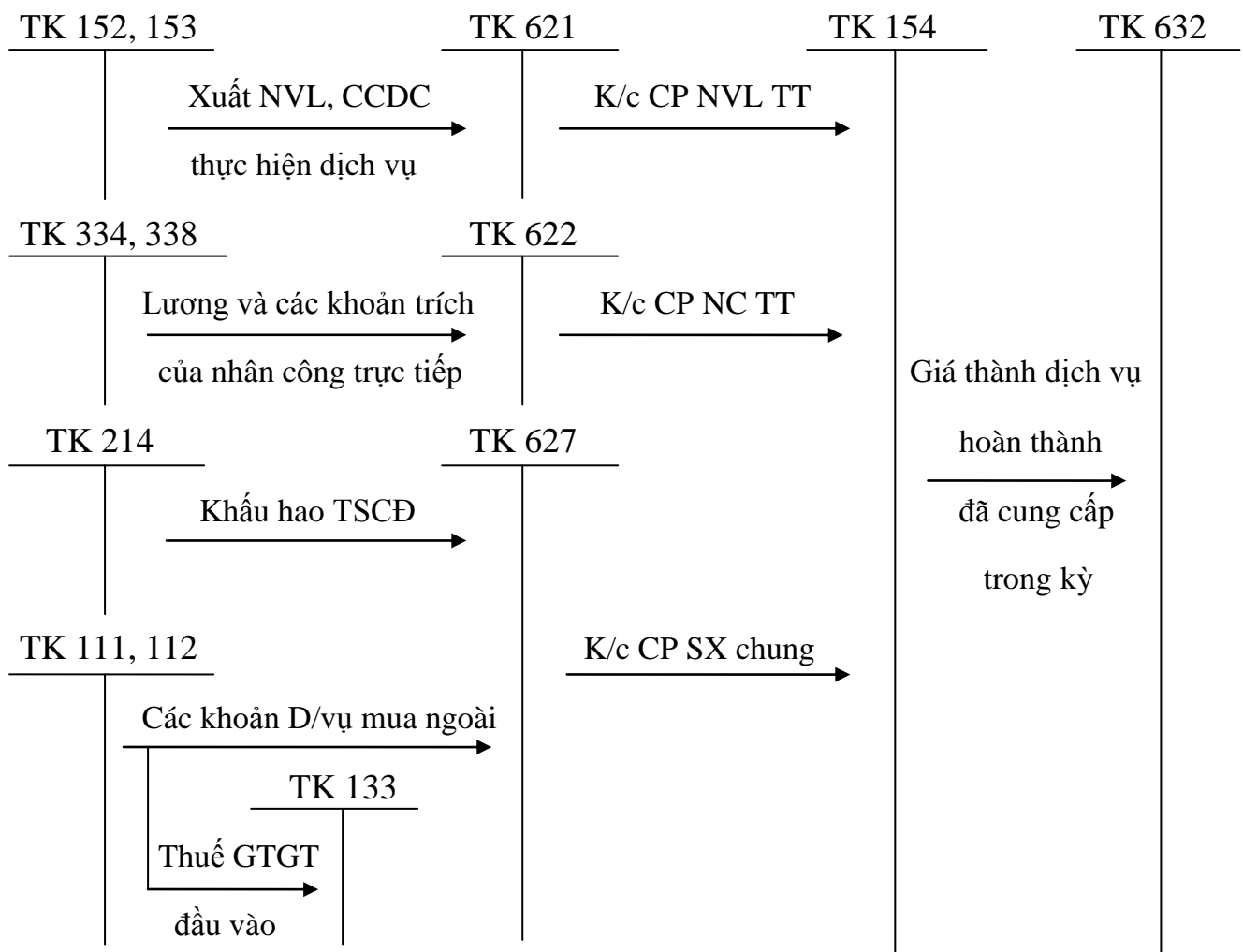
Tương tự như vậy với TK 6272 và 6273.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển từ TK 621, 622, 627 sang TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, sau đó, kết chuyển từ TK 154 sang TK 632 – Giá vốn hàng bán để xác định giá vốn trong kỳ.

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán được thể hiện qua sơ đồ 3.2 như sau:

Sơ đồ 3.2: Trình tự kế toán giá vốn hàng bán



* **Ví dụ:** (Lấy lại ví dụ giá vốn hàng bán): Ngày 31/12/2011, kế toán tiền lương tính lương cho công nhân viên trong công ty.

Biểu số 3.3: Trích Nhật ký chung

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
25B-Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng-HP

Mẫu số: S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÍ CHUNG

Năm : 2011

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ Cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
.....							
02/12	08PT	02/12	DT phòng nghỉ theo HĐ 0195648			1111 5111 3331	8.222.824	7.475.295 747.529
.....							
31/12	BL T12	31/12	Tính lương phải trả CNV tháng 12			6221 6222 6223 641 642 334	33.160.584 32.339.602 9.452.896 10.243.433 25.315.521	110.512.036
31/12	BPBL T12	31/12	Các khoản trích theo lương T12			6221 6222 6223 641 642 334 338	7.295.329 7.114.712 2.079.637 2.253.555 5.569.415 9.393.523	33.706.171
31/12	120 PKT	31/12	K/c CP dịch vụ hoàn thành T12			632 154	182.558.783	182.558.783
.....							
31/12	122 PKT	31/12	K/c Giá vốn hàng bán XD KQKD T12			911 632	182.558.783	182.558.783
.....							
			Cộng số phát sinh	x	x	x	45.391.370.038	45.391.370.038

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)
(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.4: Trích sổ chi tiết TK 627

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: 627 – Chi phí sản xuất chung

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
....							
01/12	4PC	01/12	T.toán tiền cấp TH T11 theo HĐ 391825	111	1.181.818		1.181.818	
.....							
28/12	59 PX	28/12	Xuất kho dép đặt phòng	153	5.700.000		27.774.278	
29/12	KH TS	29/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	31.426.444		59.200.722	
....							
31/12	101 PKT	31/12	K/c CP SXC dịch vụ khách sạn T12	1541		39.731.574	60.084.292	
31/12	102 PKT	31/12	K/c CP SXC dịch vụ nhà hàng T12	1542		16.902.357	3.450.361	
31/12	103 PKT	31/12	K/c CP SXC dịch vụ khác T12	1543		3.450.361	-	
			Cộng số phát sinh		778.540.417	778.540.417		
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Biểu số 3.5: Trích sổ chi tiết TK 154

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG
Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

Mẫu số: S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Năm: 2011

Tên tài khoản: 1541 – Chi phí dở dang dịch vụ khách sạn

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
.....							
31/12	104 PKT	31/12	K/c CP dịch vụ khách sạn T12	6321		92.883.593		
			Cộng số phát sinh		1.502.540.417	1.502.540.417		
			Số dư cuối kỳ					

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.6: Trích sổ cái TK 632

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG LONG HẢI PHÒNG

Mẫu số S03b-DN

Số 25B Trần Quang Khải-Hoàng Văn Thụ-Hồng Bàng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm: 2011

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	NKC		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
.....							
31/12	120 PKT	31/12	K/c CP Dvụ hoàn thành T12			154	192.011.679	
31/12	122 PKT	31/12	K/c Giá vốn XĐ KQKD T12			911		192.011.679
.....							
			- Cộng số phát sinh				2.190.705.396	2.190.705.396
			- Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó, các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Hoàng Long Hải Phòng cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến cô giáo Th.S Đào Minh Hằng, người đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng và các cán bộ phòng kế toán trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Mai Thị Thu Hương

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính) – Nhà xuất bản Tài chính.
2. Giáo trình hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp - Trường Đại Học Kinh tế Quốc Dân – 2006. Chủ biên: PGS. TS. Nguyễn Thị Đông.
3. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị.
4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam .
5. Các bài khóa luận tốt nghiệp của sinh viên trường Đại học Dân Lập Hải Phòng.
6. Số liệu và bảng biểu trích từ Nguồn tài liệu Phòng Kế toán của Công ty cổ phần Hoàng Long Hải Phòng.
7. Các trang web chính thức của Chính phủ, Nhà nước, các trang web kinh tế - kế toán và các báo kinh tế,...